

## TỨ CHỨNG THANH TỊNH MINH HỒI

## 1. PHẢI ĐOẠN TRỪ TÂM DÂM

**Kinh văn:**

阿難，云何攝心我名為戒。若諸世界六道眾生其心不婬。則不隨其生死相續。

*A-nan, vân hà nhiếp tâm, ngã danh vi giới? Nhược chư thế giới lục đạo chúng sanh kỳ tâm bất dâm, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục.*

**Việt dịch:**

A-nan vì sao thu nhiếp tâm niệm, Như Lai gọi là giới? Nếu các chúng sinh trong thế giới lục đạo tâm không dâm dục, thì sẽ không bị tương tục trong sinh tử.

**Giảng giải:**

A-nan vì sao thu nhiếp tâm niệm, Như Lai gọi là giới?

Bây giờ Như Lai sẽ nói cho ông. **Nếu các chúng sinh trong thế giới lục đạo tâm không dâm dục.** Lục đạo, tức sáu cõi giới: cõi trời, cõi người, a-tu-la, súc sinh, ngạ quỷ, và chúng sinh trong địa ngục. Nếu các chúng sinh ấy không có niệm tương dâm dục. **Thì họ sẽ không bị tương tục trong sinh tử.** Họ sẽ cắt đứt được sinh tử.

**Kinh văn:**

汝修三昧，本出塵勞。婬心不除，塵不可出。

*Nhữ tu tam-muội, bản xuất trần lao. Dâm tâm bất trừ trần bất khả xuất.*

**Việt dịch:**

**Ông tu tam-muội, cốt là để thoát khỏi trần lao. Nếu không trừ lòng dâm, không thể ra khỏi trần lao được.**

**Giải thích:**

Đức Phật nói với A-nan: **Ông tu tam-muội, cốt là để thoát khỏi trần lao.** Ông muốn thoát khỏi sinh tử. **Nếu không trừ lòng dâm, không thể ra khỏi trần lao được.** Nếu ông không cắt đứt lòng ham muốn ái dục, thì sẽ không thể nào ra khỏi trần lao phiền não thế gian. Vì chính niệm tưởng ái dục là nhiễm ô. Chính nó là trần lao phiền não. Không nói là dự phần vào hành vi dâm dục, chỉ một ý tưởng này hiện tiền là nhiễm ô rồi. Nếu quý vị không từ bỏ tâm dâm dục, thì hoàn toàn không có lý do gì để hy vọng giác ngộ và thành Phật. Một bên vẫn giữ tâm dâm dục và một đằng mong thành tựu giác ngộ là thứ suy nghĩ đần độn nhất. Có người nghĩ rằng phương pháp đó khó truyền dạy được. Thậm chí dù Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngay bây giờ thị hiện trên thế gian, ngài cũng không có cách nào đưa những người như vậy đến chỗ giác ngộ. Những người như vậy là thuộc hạng chậm lụt nhất.

**Kinh văn:**

縱有多智禪定現前，如不斷婬。必落魔道。上品魔王，中品魔民，下品魔女。

*Túng hữu đa trí thiên định hiện tiền, như bất đoạn dâm, tất lạc ma đạo. Thượng phẩm ma vương, trung phẩm ma dân, hạ phẩm ma nữ.*

**Việt dịch:**

Dù có nhiều trí và thiền định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm dâm, chắc lạc vào ma đạo. Hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ.

**Giảng giải:**

Dù có nhiều trí và thiền định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm dâm, chắc lạc vào ma đạo.

Quý vị có thể có trí, và khi quý vị ngồi thiền, quý vị có thể cảm thấy thanh thản nhẹ nhàng và cảm thấy rất tự tại—có nghĩa là quý vị có thể nhập vào thiền định. Thế là quý vị cho rằng mình có trí huệ chăng? Nếu quý vị không dứt trừ tâm dâm, cuối cùng quý vị sẽ thành ma.

**Hạng trên thành ma vương** trong cõi trời Lục dục **hạng giữa thành ma dân**, thành loại ma bình thường. **hạng dưới thành ma nữ**. Chúng rất xinh đẹp, nhưng rất ác độc. Những người có trí huệ nên cẩn thận. Những người thông minh nên lưu ý đoạn kinh này. Đừng để cho thông minh rốt cuộc trở lại làm hại chính mình. Đừng có thái độ: “Anh không biết, nhưng tôi biết. Anh không rõ, nhưng tôi rõ.” Đó chỉ là thứ thông minh lật vạt, hiểu

biết tâm thường. Đừng để cho tương lai đầy hứa hẹn của mình phải bị tàn hoại.

**Kinh văn:**

彼等諸魔亦有徒眾。各各自謂成無上道。

*Bỉ đẳng chư ma diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.*

**Việt dịch:**

**Các loài ma kia cũng có đồ chúng. Đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.**

**Giải thích:**

Những người này với một ít tri thức, không cắt đứt đ tâm dâm dục, lại luôn luôn nói về ái dục. “Tôi yêu anh, và anh yêu tôi.” Và họ yêu qua yêu lại cho đến khi thành ma. Thế điều gì xảy ra?

**Các loài ma kia cũng có đồ chúng. Đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.**

Chúng nó cũng vậy, cũng có đệ tử và người ủng hộ. Chúng hoàn toàn chẳng xấu hổ, luôn luôn lớn tiếng tuyên bố rằng mình đã thành đạo tối thượng. “Ta là Phật! Chúng ta đều là vô thượng và chẳng có ai sánh bằng!”

Vốn những kẻ như vậy là ma, nhưng họ chẳng thừa nhận điều ấy; họ tuyên bố thay thế cho chư Phật. Quý vị thấy, vẫn có chư Phật giả. Nhưng chúng không thấy chính họ là giả. Chúng thấy mình là thật. Họ tin rằng: *Trên trời dưới đất, chỉ có mình ta là tôn quý.*

**Kinh văn:**

我滅度後末法之中，多此魔民熾盛世間。廣行貪婬為善知識，令諸眾生。落愛見坑失菩提路。

*Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử ma dân xí thanh thế gian. Quảng hành tham dâm, vi thiện tri thức, linh chư chúng sanh lạc ái kiến khanh, thất bồ-đề lộ.*

**Việt dịch:**

Sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều loại ma dân này náo loạn trong thế gian. Chúng gây nhiều việc tham dâm, xưng là thiện tri thức, khiến cho chúng sinh rơi vào hầm sâu ái kiến, lạc mất đường đến giác ngộ.

**Giảng giải:**

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: “Khi Như Lai còn đang tại thế, loài ma này không dám tự phô bày, nhưng sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều loại ma dân này náo loạn trong thế gian.”

Đó chính là thời đại của chúng ta đang được đề cập trong kinh. Khi giáo pháp sắp tàn hoại, sẽ có rất nhiều loài ma này chung quanh, chúng đi khắp nơi rao giảng về tham dục. Và chính chúng say sưa trong dâm dục, hoặc là đàn ông hoặc là phụ nữ. Cùng lúc đó, chúng nghĩ rằng mình đã giác ngộ và đã thành Phật.

Làm thế nào để tôi có thể nhận ra những người như thế này, họ nói họ đã thành Phật—tôi không còn để ý đến tên của họ. Anh ta nói anh là Phật. Tôi nói anh là ma.

Anh ta hỏi lại: “Ai là ma?”

Tôi đáp: “Anh là ma.”

Tại sao tôi biết được? Vì anh ta giống như những điều tôi vừa mô tả trên. Anh ta luôn luôn nói về cảm xúc và tình yêu. “Tình yêu, tình yêu. Tôi yêu mọi người.”

Thật là xấu hổ. Ông có quyền gì khi yêu mọi người? Những loài ma này **Chúng gây nhiều việc tham dâm.**

Chúng rất dữ dội trong thế gian. Những người mê mờ sẽ bị dính mắc với chúng, họ cho rằng những gì chúng nói đều là có lý. Đặc biệt nó sẽ đồng ý với cách suy nghĩ của giới thanh niên. Nói như thế này, “Những người cùng có cảm giác tàn bạo (atrocious tastes) thường đến với nhau.” Chúng thường khen ngợi nhau khi đọa lạc vào con đường này. Nếu chúng không tán thành ý kiến của ai, thì chúng sẽ không làm như vậy.

Nếu đường lối của người kia không phù hợp, thì chúng sẽ không cộng tác với nhau. Nhưng nếu suy nghĩ của chúng giống nhau, thế là kẻ đui dẫn người mù. Thật là đáng thương. Ở đây tôi không quở mắng ai, nhưng :

*Nếu một người mê mờ  
Truyền dạy sự mê lầm cho người khác  
Khi mọi điều được nói và làm,  
Thì chẳng có ai hiểu được.  
Thầy đọa vào địa ngục  
Trò cũng phải vào theo.*

Thầy cũng rơi vào địa ngục, và khi đệ tử cũng hiện ra trong đó, thầy ngạc nhiên hỏi, “Sao trò cũng đến đây?”

Đây là nơi rất khủng khiếp.”

Đệ tử trả lời: “Thầy đã đến đây trước, và thầy là thầy của chúng tôi, dĩ nhiên là chúng tôi phải theo thầy.”

**Xung là thiện tri thức.**

Chúng khoa trương, “Tôi giảng dạy nhiều nơi cho rất nhiều người.” Thật lố bịch!

**Khiến cho chúng sinh rơi vào hầm sâu ái kiến, lạc mất đường đến giác ngộ.**

Chúng khiến cho những ai liên hệ với chúng đều rơi vào hầm hố ái dục, khiến họ bị mất tâm bồ-đề và kết thúc đời mình trong địa ngục.

**Kinh văn:**

汝教世人修三摩地先斷心婬。是名  
如來先佛世尊第一決定清淨明誨。

*Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, tiên đoạn tâm dâm. Thị danh Như Lai tiên Phật Thế tôn đệ nhất quyết định thanh tịnh minh hối.*

**Việt dịch:**

**Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, trước hết phải đoạn trừ tâm dâm. Đó là lời dạy bảo thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.**

**Giảng giải:**

Ma vương cổ xúy yêu đương. Sự khác nhau giữa ma vương và giáo pháp của Bồ-tát thì rất mỏng manh-giống như úp ngựa bàn tay. Khác nhau như thế nào?

Bồ-tát cũng thương yêu mọi người, nhưng tình yêu của họ là lòng từ bi che chở, tránh xa tham dục. Nhưng có một luồng ái dục chạy qua mọi điều mà ma vương nói. Ma vương công khai tán thành tham dục, đến mức nó nói rằng, càng tham đắm tham dục càng cao, thì càng mau đạt đến chứng ngộ. Loại tà thuyết này hãm hại mọi người. Bồ-tát thì không còn tham dục; các ngài không có khác biệt gì giữa chúng sinh và các ngài. Ma vương có động cơ riêng của chúng; nó tham lam của cải. Bồ-tát không có động cơ nào đằng sau và không tham lam. Liên quan đến điều này, là giáo pháp nói về 12 nhân duyên của Đức Phật.

**Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, trước hết phải đoạn trừ tâm dâm. Dạy họ trừ bỏ niệm tưởng dâm dục. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước .**

Đây là phương pháp giáo hóa mà các Đức Phật Như Lai đã vận dụng. Đây là sự quyết định của các Đức Phật trong đời quá khứ. Đây là lời giáo huấn rõ ràng chỉ dạy cho mọi người làm thế nào để đạt được tâm thanh tịnh. Mọi người phải trừ tâm dâm dục. Không có một chút du di nào cả. Không thể nói rằng vừa có thể dâm dục vừa có thể không. Mọi người phải trừ bỏ nó. Nếu quý vị muốn đạt đến giác ngộ mà vẫn còn giữ niệm tưởng dâm dục, thì chắc chắn quý vị là đồ đệ của ma.

**Kinh văn:**

是故阿難若不斷婬修禪定者。如蒸



沙石欲其成飯。經百千劫祇名熱沙。何以故此非飯本石沙<sup>1</sup>成故。

*Thị cố A-nan, nhược bất đoạn tâm thâm tu thiền định giả, như chưng sa thạch dục kỳ thành phạn. Kinh bá thiên kiếp kỳ danh nhiệt sa. Hà dĩ cố? Thử phi phạn bản, thạch sa thành cố.*

### Việt dịch:

**Thế nên, A-nan, nếu không đoạn tâm thâm mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà mong thành cơm. Trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Vì sao? Vì đó chẳng phải là bản nhân của cơm, đó chỉ là cát đá.**

### Giảng giải:

Quý vị thấy, bây giờ Đức Phật nêu lên một thí dụ. Ngài bảo A-nan, “Ông chưa tin điều này, nên Như Lai sẽ giải thích cho ông. **Thế nên, A-nan, nếu không đoạn tâm thâm mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà mong thành cơm.**”

Nếu mình không nghiêm khắc với ái dục mà vẫn tu tập thiền định hằng ngày, thì một mặt tu tập, mặt kia vẫn bị rỉ chảy (lậu hoặc). Mọi thứ mình có được trong công phu tu tập sẽ bị thất thoát gấp 10 lần do lậu hoặc; nếu mình tu gấp 10 lần, thì sẽ thất thoát nhiều gấp trăm lần do lậu hoặc. Nếu không thể trừ bỏ ái dục, mà vẫn ngồi thiền với lòng mong mỏi được giác ngộ, với mục đích có

<sup>1</sup> Bản Taishō 石沙. Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 沙石

được một niềm vui điên đảo. Điều này cũng giống như nấu cát mà mong được thành cơm.

**Trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Chỉ là vô ích, Vì sao? Vì đó chẳng phải là bản nhân của cơm, đó chỉ là cát đá.**

Quý vị mong được giác ngộ mà không chịu từ bỏ tham dục. Điều ấy cũng giống như nấu cát mà mong thành cơm.

Chẳng có gì để nói thêm ở đây. Nếu quý vị nghiêm khắc với tham dục, thì dù quý vị có cùng với những đối tượng tình dục suốt ngày, cũng chẳng có vấn đề gì. Sẽ chẳng có gì dâm dục, chẳng có tướng nam, tướng nữ, tướng nhân, tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Có người không biết xấu hổ, còn nói, “Đó là cách sống của tôi.” Chỉ nói đó là lối sống của quý vị thôi chưa đủ. Chưa có bằng chứng. Làm sao quý vị biết đó là cách sống của mình? Nếu quý vị sống theo cách đó, thì cơ bản là quý vị sẽ không biết mình là ai. Không lẽ quý vị cho rằng mình không có ý tưởng dâm dục nào?

Nếu không, đơn giản là không. Khỏi cần đi quanh quảng cáo về chuyện đó. Chỉ cần thể hiện rằng quý vị thực không sống theo cách đó. Nếu quý vị thực sự không có tham dục thì:

*Nhãn kiến sắc, nội vô hữu*

*Nhĩ văn trần, tâm bất tri.*

Bất luận tai có nghe được âm thanh dễ chịu nào, tâm ý bạn cũng chẳng bận lòng. Thế là quý vị đã có

được chút ít hành trang với mình rồi. Và nếu quý vị có thể đạt đến mức độ đi đứng nằm ngồi cùng với người nào đó là đối tượng tâm dục mà không xảy ra một vấn đề nào cả—không khởi lên bất kỳ niệm tưởng tình dục nào—mới đáng kể. Không thể nói rằng tâm vẫn truy đuổi ái dục mà mình nghiêng rãnh và nói cứng rắn, “Ta vẫn chịu đựng được.” Điều ấy chưa được. Phải chắc thật là trong tâm không có một niệm tưởng tâm dục sinh khởi, tâm phải bất động, đó mới thực là không còn một dấu tích tâm dục nào trong tâm mình. Đó mới là chân chính. Nếu thỉnh thoảng quý vị vẫn còn biết người phụ nữ ăn thứ gì, thì quý vị vẫn bị đánh trượt như thường.

Một hôm có người được giác ngộ và tìm đến một vị thầy để cầu xin ấn chứng.

Vị thầy hỏi: “Ông khai ngộ được điều gì?”

Người ấy đáp: “Ồ! Trước đây tôi không bao giờ nhận ra được, nhưng nay tôi biết rõ tử-khru-ni là phụ nữ.”

Bằng Phật nhãn, vị thầy thấy quả thực người kia đã chứng ngộ. Thầy nói để ấn chứng:

“Ông nói đúng.”

Quý vị sẽ bảo: “Ai chẳng biết điều đó?”

Nếu quý vị chưa chứng ngộ, quý vị không thể nào nói được như vậy. Vì vị tăng đó là người đã chứng ngộ nên phát ra cái thấy như vậy. Đây là điều mà quý vị không thể nào đối gạt mọi người—đặc biệt là do thầy của anh ta đã có được Phật nhãn. Thầy nhìn vị tăng và thấy vị tăng đã chứng sơ quả A-la-hán.

**Kinh văn:**

汝以婬身求佛妙果，縱得妙悟皆是婬根。根本成婬，輪轉三途，必不能出。如來涅槃，何路修證？

*Nhữ dĩ dâm thân cầu Phật diệu quả, túng đắc diệu ngộ giai thị dâm căn. Căn bản thành dâm, luân chuyển tam đồ, tất bất năng xuất. Như Lai niết-bàn, hà lộ tu chứng?*

**Việt dịch:**

**Ông đem thân dâm dục cầu diệu quả chư Phật, dù được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm. Cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi được. Còn đường nào để tu chứng niết-bàn của Như Lai?**

**Giải thích:**

Đức Phật nói với A-nan, “Việc ông ưa thích con gái của Ma-đăng-già không chỉ liên quan đến niệm tưởng dâm dục, mà còn do căn gốc dâm dục của ông.”

**Ông đem thân dâm dục cầu diệu quả chư Phật, dù được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm.**

Dù ông có chứng được phần tinh yếu của đạo lý vi diệu, thì ông vẫn chưa trừ bỏ được gốc dâm.

**Cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi được.**

Trong tương lai, ông chắc sẽ rơi vào địa ngục. “Tam đồ” là những cõi giới của loài súc sanh, quỷ đói, và địa ngục. Ông chắc sẽ dính líu với ba cõi này và không thể nào thoát ra khỏi được.

**Còn đường nào để tu chứng niết-bàn của Như Lai?**

Trong những cõi giới này, đường nào dẫn ông đến các quả vị?

**Kinh văn:**

必使婬機，身心俱斷。斷性亦無。於佛菩提，斯可希冀。

*Tất sử dâm cơ, thân tâm câu đoạn. Đoạn tánh diệt vô. Ư Phật bồ-đề, tư khả hy ký.*

**Việt dịch:**

**Ắt phải khiến cho thân tâm đều đoạn trừ hết căn dâm. Tánh đoạn cũng trừ. Mới mong chứng quả bồ-đề của chư Phật.**

**Giảng giải:**

**Ắt phải khiến cho thân tâm đều đoạn trừ hết căn dâm.**

Ông nhất định phải trừ bỏ mọi niệm tưởng dâm dục dù nhỏ nhất và vi tế nhất. Điều ấy có nghĩa là chính vô minh phải được dứt sạch. Phải được thực hiện bằng cả thân và tâm.

**Tánh đoạn cũng trừ.**

Ngay cả ý niệm dứt trừ vô minh cũng phải dứt sạch.

**Mới mong chứng quả bồ-đề của chư Phật.**

**Kinh văn:**

如我此說名為佛說。不如此說即波旬說

*Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.*

**Việt dịch:**

**Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.**

**Giảng giải:**

**Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói.** Đây là cách thức chư Phật giảng nói Phật pháp.

**Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.** Là cách nói của ma vương.

Ba-tuần,<sup>1</sup> tiếng Sanskrit là *Papiyan*, có nghĩa là ‘người ác’, chỉ cho Māra, tức ma vương.

Những ai đến nghe giảng kinh chắc chắn phải là người có thể thấy được. Người mù không thể đến nghe kinh, người bị điếc và người câm ngọng cũng vậy. Người càng đến nghe giảng kinh, sẽ càng trở nên thông minh lanh lợi hơn. Mọi người nên mở ra con mắt Huệ chân thật và thực sự xoay nhĩ căn trở vào tự tánh của mình. Đừng mong tìm cầu bên ngoài.

---

<sup>1</sup> S: Pāpīyas hoặc Pāpmanp: Pāpiya hoặc Pāpimant. Còn gọi là Ba-ti-duyên 波俾掾, Ba-duyên 波椽, Pha-tuần 陂旬. Thường gọi là Ma Ba-tuần 魔波旬 s: Māra-pāpman). Dịch nghĩa là Sát giả 殺者, Ác vật 惡物, Ác trung ác 惡中惡. Ác ái 惡愛. Theo kinh *Thái tử Thụy ứng bản khởi*, Ba-tuần là vị chúa tể tầng trời thứ 6 cõi Dục. Theo *Luận Đại trí độ*, Ma này thường theo Đức Phật và đệ tử tìm cơ hội để nhiễu loạn.

## 2. PHẢI ĐOẠN TRỪ TÂM SÁT HẠI

**Kinh văn:**

阿難，又諸世界六道眾生，其心不殺，則不隨其生死相續。

*A-nan, hựu chư thế giới lục đạo chúng sanh, kỳ tâm bất sát, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục.*

**Việt dịch:**

Lại nữa, A-nan, nếu các chúng sinh trong sáu cõi khắp các thế giới, nếu họ không có tâm sát hại, ắt sẽ không tương tục theo dòng sanh tử.

**Giải giảng:**

Nếu loài trời, loài người, a-tu-la, súc sanh, quý đỏi, loài chúng sinh ở địa ngục, không mang nặng niệm tương sát hại, thay vào đó lại dừng hẳn nghiệp sát và giải thoát cho mọi loài chúng sinh, thì họ có thể ra khỏi vòng luân hồi sinh tử. Ở đây chỉ đề cập đến niệm tương về sát hại (ý nghiệp), chứ chưa nói đến hành vi sát hại (hành nghiệp). Nếu mọi người dừng lại nghiệp sát, thì họ sẽ khỏi phải chịu trôi lăn luân hồi sinh tử trong sáu đường, và là chủ tử của nghiệp rồi phải theo đó mà trải qua sinh tử luân hồi.

**Kinh văn:**

汝修三昧本出塵勞。殺心不除塵不可出。

*Nhữ tu tam-muội, bốn xuất trần lao. Sát tâm bất trừ trần bất khả xuất.*

**Việt dịch:**

**Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm sát hại không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.**

**Giảng giải:**

A-nan, ông muốn tu tập định lực. **Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao.**

Từ ban đầu, ông đã mong được thoát ra khỏi trần lao.

**Tâm sát hại không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.**

Làm thế nào để chúng ta có thể trừ bỏ niệm tưởng sát hại? Dừng hẳn việc giết hại và giải thoát cho mọi loài chúng sinh. Ở trên Kinh văn có nói, “Nếu không trừ bỏ niệm tưởng dâm dục, thì không thể nào ra khỏi trần lao.” Nên quý vị phải nghiêm khắc với niệm tưởng dâm dục để mong thoát ra khỏi trần lao. Đó là cách duy nhất để quý vị có thể thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Nhưng nếu quý vị vẫn tán tâm vào niệm tưởng dâm dục và vẫn ôm nặng tâm sát hại, thì quý vị không thể nào ra khỏi thế gian. Quý vị không thể nào siêu việt sanh tử.

**Kinh văn:**

縱有多智禪定現前，如不斷殺必落神道。上品之人為大力鬼。中品即為飛行夜叉諸鬼帥等。下品當<sup>1</sup>為地行羅刹。

<sup>1</sup> Bản Taishō chép 尚, bản Long tạng, bản VPTT đều chép 當 當.



*Túng hữu đa trí thiên định hiện tiền, như bắt đoạn sát, tắt lạc thần đạo. Thượng phẩm chi nhơn vi đại lực quý. Trung phẩm tức vi phi hành dạ-xoa, chư quý soái đấng. Hạ phẩm thượng vi địa hành la-sát.*

**Việt dịch:**

Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu như không đoạn trừ tâm sát hại, ắt rơi vào thần đạo. Bậc cao thì làm đại lực quý. Bậc trung thì làm quý phi hành dạ-xoa và các loài quý soái. Bậc thấp thì làm quý địa hành la-sát.

**Giải thích:**

Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu như không đoạn trừ tâm sát hại, ắt rơi vào thần đạo.

“Trí” ở đây là chỉ cho trí thông minh thế gian và tài giỏi biện luận, chứ không phải là trí huệ siêu việt. Đó là một dạng trí thông thường khiến cho người ta có một khả năng nhất định để tranh luận. Và dù quý vị có tu đến mức độ có công phu trong thiên định—quý vị có được một vài sự cảm ứng—thì, nếu quý vị không trừ bỏ nghiệp sát, quý vị vẫn bị rơi vào cảnh giới của các thần. Có nghĩa là có thể quý vị sẽ trở thành một vị thần thống lãnh các cõi trời.

**Bậc cao thì làm đại lực quý.** Có nghĩa là binh tướng hùng mạnh của cõi trời

**Bậc trung thì làm quý phi hành dạ-xoa và các loài quý soái.**

Phi hành dạ xoa là loài quý bay đi trên không. Hoặc là trở thành kẻ chỉ huy của loài quý.

**Bậc thấp thì làm quỷ địa hành la-sát.**

**Kinh văn:**

彼諸鬼神亦有徒眾。各各自謂成無上道。

*Bỉ chư quỷ thần diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.*

**Việt dịch:**

**Các loài quỷ thần ấy cũng có đồ chúng. Chúng đều tự cho rằng mình đã thành đạo vô thượng.**

**Giải thích:**

Các vị thần thống lĩnh, loài đại lực quỷ ở cõi trời, loài quỷ da-xoa và quỷ la-sát ở cõi người, loài quỷ ở cõi địa ngục cũng có đồ chúng. Có khoảng chừng 10 ngàn loài quỷ khác nhau. Kuan Ti Kung<sup>1</sup> ở Trung Hoa là một ví dụ của thần tài. Nhưng sau khi ông ta quy y Phật, ông ta được gọi là Bồ-tát Ch'ieh Lan,<sup>2</sup> là một vị thần hộ pháp. Trong pháp hội của Phật, ông ta chỉ đứng, không được phép ngồi.

Tuy nhiên, các loài quỷ nói ở đây đều tự tuyên bố là chúng đã thành đạo vô thượng.

**Kinh văn:**

我滅度後末法之中，多此神鬼熾盛世

<sup>1</sup> Ấn bản 2003 của VPTT chép: Guan Di Gong—(Quản Trọng, Quản Di Ngô).

<sup>2</sup> Ấn bản 2003 của VPTT chép: Qie Lan. (?)

間。自言食肉得菩提路。

*Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử thân quý xí thanh thế gian. Tự ngôn thực nhục đắc bồ đề lộ.*

**Việt dịch:**

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, nhiều loại quý thân này sôi nổi trong thế gian. Chúng tự tuyên bố rằng ăn thịt sẽ chứng được đạo bồ-đề.

**Giảng giải:**

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, nhiều loại quý thân này sôi nổi trong thế gian.

Đó chính là Đức Phật nói đến thời đại ngày nay—thời kỳ mà quý vị và tôi đang sống. Có vô số quý thân trong thời mạt pháp này, tất cả là do trong đời trước chúng không từ bỏ nghiệp sát. Chúng có tu tập, nhưng không thể dừng bỏ việc sát hại, nên chúng đọa vào cõi giới của các thần. Trong thời mạt pháp, những loài này sẽ **tự tuyên bố rằng ăn thịt sẽ chứng được đạo bồ-đề**.

Chúng nói rằng, “Ăn thịt và thành Phật là như nhau. Ta chẳng cần từ bỏ việc sát hại hoặc phải ăn chay, mà ta vẫn giác ngộ và chứng được đạo bồ-đề, có nghĩa là ta là Phật.”

Điều này giống như có người tuyên bố mình đã thành Phật nhưng ăn thịt, uống rượu, hút thuốc, có một nhóm đồ đệ trẻ và dạy cho họ hút cần sa, chơi ma túy.<sup>1</sup>

Có ai từng nghe người giác ngộ mà hành xử như

<sup>1</sup> marijuana, LSD.

vậy chăng? Khi Đức Phật thành đạo, ngài không dùng những chất ma túy như vậy. Nay quý vị dùng thuốc để đầu độc hệ thống thần kinh của mình, làm đảo lộn nội lực quân bình của mình, và đưa mình đến bờ vực cái chết, mà vẫn khăng khăng cho mình là đã giác ngộ. Tôi hỏi quý vị, vậy có điên đảo không?

**Kinh văn:**

阿難，我令比丘食五淨肉。此肉皆我神力化生本無命根。汝婆羅門地多蒸濕，加以沙石，草菜不生。我以大悲神力所加。因大慈悲假名為肉。汝得其味。奈何如來滅度之後，食眾生肉名為釋子。

*A-nan, ngã linh tỳ-khuru thực ngũ tịnh nhục. Thử nhục giai ngã thần lực hóa sanh, bản vô mạng căn. Nhữ Bà-la-môn địa đa chung thấp, gia dĩ sa thạch, thảo thái bất sanh. Ngã dĩ đại bi thần lực sở gia. Nhân đại từ bi giả danh vi nhục. Nhữ đắc kỳ vị. Nại hà Như Lai diệt độ chi hậu, thực chúng sanh nhục danh vi Thích tử?*

**Việt dịch:**

A-nan, Như Lai cho phép hàng tỳ-khuru ăn năm loại tịnh nhục. Thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa ra, vốn chúng không có mạng căn. Xứ Bà-la-môn của các ông, đất đai phần nhiều ẩm thấp và nóng, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được. Như Lai dùng thần lực từ bi gia hộ. Do tâm đại từ bi giả gọi là thịt.

Các ông cũng nhận được vị như thịt. Có sao sau khi Như Lai diệt độ, những người ăn thịt chúng sinh lại xưng là Thích tử?

**Giảng giải:**

**A-nan, Như Lai cho phép hàng tỳ-khưu ăn năm loại tịnh nhục.**

Giáo pháp Đức Phật cho phép dùng năm thứ thịt như sau:

- 1) Thịt của súc vật mà mình không thấy chúng bị giết.
- 2) Thịt của súc vật mà mình không nghe chúng bị giết.
- 3) Thịt của súc vật mà mình biết chắc là chúng không bị giết để cho mình ăn.
- 4) Thịt của súc vật đã chết (không do người nào giết).
- 5) Thịt còn sót lại sau khi chim đã rĩa.

**Thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa ra, vốn chúng không có mạng căn.**

Chính Đức Phật đã tạo nên các loài thịt này; nó vốn không xuất phát từ các sinh vật. Chúng không có mạng căn; có nghĩa là không có tâm thức, không có hơi ấm; không có hơi thở.

**Xứ Bà-la-môn của các ông, đất đai phần nhiều ẩm thấp và nóng, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được.**

Các ông là những người tu hành hạnh thanh tịnh, lại sống trong vùng đất đầy đất đá và ẩm thấp.

**Như Lai dùng thần lực từ bi gia hộ. Nhân tâm đại từ bi giả gọi là thịt. Các ông cũng nhận được vị như thịt.**

Đó là thực chất những thứ các ông đang ăn. Nay Như Lai cho phép các ông ăn thứ thịt như vậy. Nhưng, **sau khi Như Lai diệt độ, sao những người ăn thịt chúng sinh lại xưng là Thích tử được?**

Chẳng phải là họ ăn năm thứ thịt thanh tịnh, mà chính họ hoàn toàn đã ăn thịt chúng sinh. Họ có được gọi là đệ tử Phật không? Họ không xứng đáng được xem là đệ tử của Thích-ca, có nghĩa là không xứng đáng là những người xuất gia.

**Kinh văn:**

汝等當知是食肉人，縱得心開似三摩地，皆大羅刹。報終必沈生死苦海。非佛弟子。如是之人相殺相吞，相食未已。云何是人得出三界？

*Như đẳng đương tri thị thực nhục nhân, tòng đắc tâm khai, tợ tam-ma-đề, giai đại la-sát. Báo chung tất trầm sanh tử khổ hải. Phi Phật đệ tử. Như thị chi nhân tương sát tương thôn, tương thực vị dĩ. Vân hà thị nhân đắc xuất tam giới?*

**Việt dịch:**

Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dù tâm được khai ngộ, như tam-ma-đề, đều là loài đại la-sát. Khi quả báo hết, lại phải chìm đắm trong biển khổ sinh tử. Họ chẳng phải là đệ tử của Phật. Những người ấy giết hại, thôn tính lẫn nhau, ăn nuốt nhau không thôi. Những người như vậy làm sao ra khỏi ba cõi?

**Giảng giải:**

**Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dù tâm được khai ngộ, như tam-ma-đề, đều là loài đại la-sát.**

Không không cần để ý đến mình đang ăn thứ thịt gì. Họ không bận tâm đó là một trong ba thứ thịt thanh tịnh hoặc trong năm thứ thịt thanh tịnh. Nếu đó là thịt, thì họ cứ ăn. A-nan, ông nên biết rằng sau khi Như Lai diệt độ, những người như vậy sẽ giả dạng làm đệ tử Phật và họ sẽ dùng cả rượu và thịt. Họ rất phóng túng, nói rằng mọi người đều tự do, tùy ý muốn làm gì thì làm. Dù họ có chút giác ngộ hay được chút ít trí huệ, họ chỉ tương tự như ở trong định.” Thực sự là chẳng phải như vậy. Họ giống như những người đã đến đây và tự xưng mình là Lục tổ.

Tôi hỏi: “Bằng chứng nào mà anh tự xưng mình là Lục tổ?”

Người ấy đáp: “Tôi chẳng có bằng chứng nào chứng tỏ là không giống.”

Anh ta tưởng rằng đó là câu đối đáp thông minh. Thực sự, anh ta thuộc cùng loại với những người đang mô tả trong đoạn kinh này. Những người như vậy như thể có chút định lực, nhưng thực tế họ là loài đại la-sát, đại ma vương, đại quỷ thần.

**Khi quả báo hết, lại phải chìm đắm trong biển khổ sinh tử. Họ chẳng phải là đệ tử của Phật.**

Dù những người như vậy đáp y ca-sa của Phật,

ăn thực phẩm của Phật, nhưng họ chẳng phải là đệ tử Phật.

**Những người ấy giết hại, thôn tính lẫn nhau, ăn nuốt nhau không thôi.**

Họ sống và ăn thịt, không ngại một điều nào cả. Họ cứ ăn nuốt lẫn nhau. Họ giết hại lẫn nhau; anh ăn tôi, tôi ăn lại anh; giết và ăn; rồi trở lại bị giết và bị ăn.

**Những người như vậy làm sao ra khỏi ba cõi?**

Sông như vậy là tạo nên một vòng luân hồi sinh tử bất tận. Đời này anh ăn thịt tôi; và đời sau tôi ăn thịt anh. Đời sau nữa, trở lại anh ăn thịt tôi, và cứ tiếp diễn như vậy. Những chúng sinh ấy làm sao ra khỏi đấng Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới?

**Kinh văn:**

汝教世人修三摩地，次斷殺生。是名如來先佛世尊第二決定清淨明誨。

*Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, thứ đoạn sát sanh. Thị danh Như Lai Tiên Phật Thế Tôn đệ nhị quyết định thanh tịnh minh hối.*

**Việt dịch:**

Ông dạy người đời tu pháp tam-ma-địa, phải đoạn trừ việc sát sanh. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

**Giải thích:**

Ông dạy người đời tu pháp tam-ma-địa, phải



**đoạn trừ việc sát sanh.** Trước tiên, phải đoạn trừ dâm dục; rồi còn phải cấm chế niệm tương sát hại. **Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.**

Đây là giáo lý đượ Đức Phật xiển dương. Cả chư Phật trong quá khứ và chư Phật đời này để chỉ dạy giáo pháp rõ ràng thanh tịnh và quyết định này. Quý vị phải chắc chắn tôn trọng giáo pháp này. Nếu không, quý vị không thể nào ra khỏi ba cõi đượ.

**Kinh văn:**

是故阿難，若不斷殺修禪定者，譬如有人自塞其耳，高聲大叫求人聞。此等名為欲隱彌露。

*Thị cố A-nan, nhược bất đoạn sát tu thiền định giả, thí như hữu nhân tự tắc kỳ nhĩ, cao thanh đại khiếu, cầu nhân bất văn. Thử đẳng danh vi dục ẩn di lộ.*

**Việt dịch:**

**Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ việc sát hại mà tu thiền định, ví như có người tự bịt tai mình, rồi kêu lớn tiếng, mà mong mọi người chẳng nghe tiếng mình. Loại người này gọi là muốn dấu nhưng càng lộ bày.**

**Giảng giải:**

**Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ việc sát hại mà tu thiền định.** Họ phải nghiêm khắc với hạt giống từ bi của mình. Khi đã bỏ mất tâm từ bi, ví như có người

**tự bịt tai mình, rồi kêu lớn tiếng, mà mong mọi người chẳng nghe tiếng mình.**

Điều này cũng như có người bịt tai mình mà ăn cắp chuông, họ cho rằng nếu mình không nghe tiếng chuông thì người khác cũng không nghe.

**Loại người này gọi là muốn dấu nhưng càng lộ bày.**

Họ càng muốn dấu điếm những hành vi của mình, thì nó càng lộ bày ra. Cũng như vậy, những người tu thiên định mà không chịu dừng lại việc sát hại thì khó đạt được điều mình mong đợi.

**Kinh văn:**

清淨比丘及諸菩薩，於岐路行不踏生  
草，況以手拔。云何大悲取諸眾生血肉  
充食？

*Thanh tịnh tỷ-khưu cập chư Bồ-tát, ư kỳ lộ hành  
bất đạp sanh thảo, huống dĩ thủ bạt. Vân hà đại bi thủ  
chư chúng sanh huyết nhục sung thực?*

**Việt dịch:**

**Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ-tát khi đi trên  
đường còn không đạp cỏ non, huống là dùng tay  
nhổ. Tại sao thực hành tâm đại bi mà lại lấy máu thịt  
chúng sinh làm thức ăn?**

**Giải thích:**

**Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ-tát tu tập công**

hạnh cực kỳ thanh tịnh, **khi đi trên đường còn không đạp cỏ non.**

Ở nơi có vài lối đi, thường có cỏ mọc bên vệ đường. Tỷ-khuru thanh tịnh và các vị Bồ-tát sẽ không bao giờ dẫm lên cỏ non, vì sợ sẽ làm cho cỏ chết.

**Huống là dùng tay nhỏ.** Các ngài cũng không nhổ một cây cỏ nào.

**Tại sao thực hành tâm đại bi mà lại lấy máu thịt chúng sinh làm thức ăn?**

Điều ấy không thể được

**Kinh văn:**

若諸比丘不服東方絲綿絹帛，及是此土靴履裘毳乳酪醍醐。如是比丘於世真脫。酬還宿債不遊三界。

*Nhược chư tỷ-khuru bất phục đông phương ty miên quyên bạch, cập thị thử độ ngoa phú cừu thuê, nhũ lạc đề hồ. Như thị tỷ-khuru u thể chơn thoát. Thù hoàn túc trái, bất du tam giới.*

**Việt dịch:**

Nếu các tỷ-khuru không mặc tơ lụa, là lượt của phương đông, và không dùng giày dép, áo cừu, áo len, hay các thứ sữa, lạc, đề hồ. Những tỷ-khuru ấy, thật là giải thoát trong pháp thế gian. Trả hết nợ cũ xong, sẽ không vào trong ba cõi nữa.

**Giải giảng:**

Nếu các tỷ-khuru không mặc tơ lụa, là lượt của

**phương đông, và không dùng giày dép, áo cừu, áo len, hay các thứ sữa, lạc, đề hồ. Những tử-khưu ấy, thật là giải thoát trong pháp thế gian.**

Lụa, da, lông thú, lông tơ (chim) đều xuất phát từ sinh vật. Sinh mạng của chúng phải bị cướp đoạt để tạo ra những thứ này. Vải thường không bao hàm trong các loại này. Do vậy, các ngài không dùng giày da hay túi xách làm bằng da. Họ cũng không dùng các thực phẩm chế biến từ sữa.

**Trả hết nợ cũ xong, sẽ không vào trong ba cõi nữa.**

Ở đây nói rằng sữa và các thực phẩm chế biến từ sữa đều không nên dùng, nhưng trong giới luật của Đại thừa và Tiểu thừa đều không cho rằng điều này không hoàn toàn bị cấm dùng. Đoạn kinh này nói về những người giữ giới với mức độ thanh tịnh nhất. Họ hoàn toàn giữ giới không giết hại. Họ không dùng bất cứ thứ gì liên quan đến sinh mạng chúng sinh. Họ không mặc đồ tơ lụa vì một số sinh mạng của loài tằm phải chết trong quá trình dệt thành lụa. Họ không dùng mật ong vì mật là từ ong. Nhưng riêng trong giới luật vấn đề này vẫn còn được khai mở.

Giới có một ý nghĩa rất linh hoạt. Giới không chuyên biệt cấm đoán mọi thứ này. Đối với quý vị tránh dùng những thứ đó là người rất thanh tịnh. Điều ấy rất tốt.

**Kinh văn:**

何以故服其身分皆為彼緣。如人食其地中百穀。足不離地必使身心。於諸眾生若身，身分。身心二塗不服不食。我說是人真解脫者。

*Hà dĩ cố phục kỳ thân phần giai vị bỉ duyên. Như nhơn thực kỳ địa trung bách cốc, túc bất ly địa. Tất sử thân tâm, ư chư chúng sanh nhược thân, thân phần. Thân tâm nhị đồ bất phục bất thực. Ngã thuyết thị nhơn chơn giải thoát giả.*

**Việt dịch:**

**Tại sao dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, đều có ảnh hưởng đến chúng. Như con người ăn trăm giống cốc loại trong đất, thì chân không rời đất. Dứt khoát thân tâm mình, đối với thân thể hay chi phần của chúng sinh, quyết không dùng, không ăn không mặc. Những người như vậy, Như Lai mới thật xem là giải thoát.**

**Giảng giải:**

**Tại sao dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, đều có ảnh hưởng đến chúng.**

Chẳng hạn, khi quý vị mặc đồ tơ lụa, thì quý vị đã có liên quan với loài tằm đã nhả ra tơ. Nếu quý vị không muốn thành loài sinh vật ấy, thì đừng nên liên hệ với chúng. Đó là Như con người ăn trăm giống cốc loại trong đất, thì chân không rời đất. Đó chính là loài

người đầu tiên trên trái đất, họ vốn là chúng sinh từ cõi trời Đại phạm<sup>1</sup> xuống. Điều này xảy ra trong quá khứ khi kiếp hoả lan khắp trái đất cho đến khi thiêu huỷ mọi dấu hiệu của loài người. Sau đó bắt đầu một thời kỳ cần cõi khô khan, kéo dài không biết bao lâu. Và sau đó, một hôm có vài chúng sinh từ cõi trời Đại phạm đạu xuống thế gian.

Vào lúc này, thế gian được bao phủ bởi một chất liệu đặc biệt hoàn toàn tốt đẹp. Họ bốc lên một nắm và ngửi thấy rất thơm ngon. Nên họ ăn. Khi họ đã ăn thứ “màu mỡ của đất” này rồi thì họ không còn bay được nữa. Họ không thể cưỡi mây và lái sừng mù được nữa. Họ không còn di chuyển được. Họ ở lại trần gian và rủ những anh chị em của họ đang ở trên trời. Những người này xuống trần gian rồi lại ăn thứ “màu mỡ của đất”, thế là họ cũng bị trở thành bị chất ngại bởi đất. Họ không thể nào trở về cõi trời; và đó là lý do loài người đến ở trần gian. Có người cho rằng chúng ta xuất phát từ loài khí. Nhưng nếu điều đó là đúng, thì cái gì khiến cho chúng ta trở thành khí? Thực tế, tất cả bắt đầu từ khi loài trời hạ xuống trần gian. Khi dân số trên mặt đất gia tăng, chất “màu mỡ của đất” hoàn toàn bị cạn kiệt, các giống

---

<sup>1</sup> Nguyên bản Anh ngữ: *Great Brahma Heaven*, và các dòng tiếp theo là dùng *Brahma Heaven*. Theo Đại Tỳ-bà-sa Luận, quyển 136, Lạp thế A-tỳ-dàm Luận, quyển 11, Câu-xá luận Quang ký, Kinh Tăng nhất A-hàm quyển 33 đều nói là từ cõi trời Quang Âm Thiên (s: Ābhassara-deva; p: Ābhassara-deva).

thực vật bị chết. Thế là họ phải ăn bách cốc (100 giống cốc loại). Đó là:

1. Hai mươi loại lúa khác nhau.
2. Hai mươi loại kê.
3. Hai mươi loại đậu
4. Hai mươi loại rau.
5. Hai mươi loại dưa.

Mỗi thứ có hơn hay kém hai mươi loại, làm thành 100 thứ tất cả. Khi họ đã ăn *bách cốc*, thì “chân không lìa khỏi mặt đất.” Chúng ta quy cho điều này là lực hấp dẫn, trọng lực của trái đất (*gravity*), nhưng lý do sâu xa là do con người đã ăn thực phẩm này.

**Dứt khoát thân tâm mình, đối với thân thể hay chi phần của chúng sinh, quyết không dùng, không ăn không mặc.** Loài người chúng ta muốn giữ cho thân và tâm mình thoát khỏi sự tạo nghiệp do từ mối quan hệ với thân mạng của chúng sinh hoặc bất kỳ mọi thứ làm bằng thân thể chúng, thì chúng ta không nên chiếm đoạt thân mạng chúng, cũng chẳng xâm hại tinh thần chúng. Chúng ta chẳng nên mặc thứ gì làm từ sinh mạng của các loài vật và ăn thịt chúng. **Những người như vậy, Như Lai mới thật xem là giải thoát.** Như Lai bảo những người ấy là chân thật giải thoát.

**Kinh văn:**

如我此說名為佛說。不如此說即波旬說

*Như ngã thử thuyết danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.*

**Việt dịch:**

**Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.**

**Giảng giải:**

**Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói.**

Lời giảng giải của Như Lai là giáo pháp đã được chư Phật trong mười phương ba đời giảng nói.

**Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.**

Mọi giáo lý khế hợp với đạo lý do Như Lai nói tức là lời dạy của chư Phật. Mọi học thuyết mà không khế hợp với đạo lý Như Lai đã tuyên bày ở đây là lời nói của ma vương.

Bây giờ quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Quý vị có thể dùng kính này như tấm kính chiếu yêu. Nếu có ai giả dạng làm người, khi quý vị chiếu tấm kính này vào nơi họ, họ sẽ hiện ra nguyên hình— là yêu quái. Có khi họ là ma heo, ma bò hoặc là ma ngựa, hoặc là thần núi, hoặc là thủy quái. Có khi đó là ma vương. Bất luận họ là gì, tấm kính đều chiếu soi rõ ràng. Bây giờ quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quý vị sẽ nhận ra được ai là người giảng pháp chân thực bằng cách đối chiếu những điều được giảng trong kinh. Thế nên kinh



giống như tấm kính chiếu yêu. Đó là lý do tại sao từ trước, tôi đã nói rằng người điếc, người mù, người câm không có cơ duyên nghe tôi giảng kinh. Người điếc vốn không nghe được rồi, nhưng ở đây tôi không có ý nói người bị tai điếc, mà nói đến người nghe pháp mà chẳng biết gì cả. Lặng thinh và quên mất những điểm tôi đã giảng. Tôi hy vọng rằng tất cả quý vị, ai đã nghe được kinh Kinh Thủ-lăng-nghiêm đều sẽ trở thành thiện tri thức trong tương lai; quý vị sẽ trở nên hiểu biết Phật pháp một cách chắc thật. Rồi quý vị sẽ dạy cho những người mù, đui, điếc, câm. Khi quý vị giảng kinh, dù quý vị có dùng đến hệ thống âm thanh, và thậm chí dù họ ở bên ngoài, họ vẫn nghe được và không còn bị điếc hay câm nữa. Người không hiểu Phật pháp là đáng thương nhất. Thế nên, khi quý vị đã thông đạt Phật pháp, quý vị nên đi giảng dạy cho họ nghe. Đó có nghĩa là ở mức độ đó, quý vị nên có sự chú tâm đặc biệt như mình đang tu học vậy.

### 3. DỨT TRỪ TÂM TRỘM CẤP

**Kinh văn:**

阿難又復世界六道眾生其心不偷。  
則不隨其生死相續。

*A-nan, hựu phục thế giới lục đạo chúng sanh kỳ tâm bất thâu. Tác bất tùy kỳ sanh tử tương tục.*

**Việt dịch:**

Lại nữa A-nan, nếu như chúng sinh trong thế giới lục đạo, tâm không trộm cắp, thì họ sẽ không bị tương tục trong dòng luân hồi sinh tử.

**Giải thích:**

Đức Phật lại gọi A-nan.

Lại nữa A-nan, nếu như chúng sinh trong thế giới lục đạo, tâm không trộm cắp, thì họ sẽ không bị tương tục trong dòng luân hồi sinh tử.

Loài trời, loài a-tu-la, loài người, súc sinh, quý đồi, và loài ở địa ngục nếu không trộm cắp, dù chỉ có niệm tưởng trong tâm. Họ sẽ không lấy cắp bất cứ thứ gì của bất kỳ ai, vật hữu hình hoặc vô hình, giá trị hoặc không giá trị. Không những thực sự không lấy, mà còn không có niệm tưởng lấy cắp chúng. Đó có nghĩa là không trộm cắp. Nếu các chúng sinh ấy giữ tâm không trộm cắp cũng như tâm không sát hại, tâm không dâm dục, thì chúng sẽ không bị tương tục trong vòng luân

hồi sinh tử, và họ cũng sẽ không bị quả báo tương tục tr thế gian.

**Kinh văn:**

汝修三昧本出塵勞。偷心不除塵不可出。

*Nhữ tu tam-muội bản xuất trần lao. Thâu tâm bất trừ trần bất khả xuất.*

**Việt dịch:**

Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm trộm cắp không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

**Giảng giải:**

Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao.

Ông muốn phát huy định lực chân chính. Động cơ chính của ông trong việc tu tập là cốt để ra khỏi vòng luân hồi sinh tử trong thế gian. Nhưng, nếu ông vẫn có ý tưởng trộm cắp. Tâm trộm cắp không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

“Trần lao” ở đây là chỉ cho nhà lửa trong ba cõi.

**Kinh văn:**

縱有多智禪定現前，如不斷偷，必落邪道。上品精靈，中品妖魅，下品邪人，諸魅所著。

*Túng hữu đa trí thiền định hiện tiền, như bất đoạn thâu tất lạc tà đạo. Thượng phẩm tinh linh, trung phẩm yêu mị, hạ phẩm tà nhơn chư mị sở trước.*

**Việt dịch:**

**Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm trộm cắp, ắt phải rơi vào tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng trung thành yêu mị, lớp dưới thành người tà đạo, bị yêu mị gá vào.**

**Giải thích:**

**Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm trộm cắp, ắt phải rơi vào tà đạo.**

Cơ bản là loại người này không có trí huệ chân chính, vì nếu họ có trí huệ, họ đã không trộm cắp, họ cũng không dâm dục, cũng không sát hại. Chỉ do vì thiếu trí huệ mà họ làm những việc như vậy. Nhưng nếu chúng ta cho hạng người này có một chút trí huệ và chỉ một chút thông minh vật hơn những người bình thường, và khi họ ngồi, họ lẩn vào sự lãng quên mà ít nhiều giống như thiên định. Thế nhưng, hạng người này lại nghĩ rằng mình đã chứng được vài cảnh giới kỳ đặc mà những người khác chưa từng đến được. Anh ta cảm thấy mình có công phu vượt qua mọi người khác. Cái nhìn của anh ta đầy ngã mạn, và nếu anh ta không chịu dừng lại việc trộm đạo, anh ta sẽ rơi vào đường tà. Dù với một chút trí huệ và một ít định lực, họ sẽ bị rơi vào cảnh giới không chân chính vì việc trộm cắp. Trong con đường tà vạy này, họ lại dạy chúng sinh trong các đường khác vốn đầy tăm tối và bất chính. Họ lại dạy người khác tri và tà kiến.

**Hạng trên thành tinh linh,**

Khi quý vị gặp loại này, chúng rất thông minh; nhưng thực ra, nó là tà quỷ. Trong cuốn *Tánh dược* (*The Nature of Medicine*) của Trung Hoa, có đề cập đến loại thảo mộc có tính chất này. Nhưng thực tế, yếu tính đó không thực.

**Hạng trung thành yêu mị,** một loại dị nhân, có được năng lực thần thông, thường hãm hại người.

**Lớp dưới thành người tà đạo, bị yêu mị gá vào.**

Quý vị nhớ rằng loài quý Cựu-bàn-trà là một loài quỷ mị (mei), thường gây ra tình trạng hôn mê, tê liệt cho người đang ngủ. Loài quỷ này chiếm đoạt thân xác của người đang tỉnh, rồi điều khiển thân, miệng, ý người này làm những việc riêng cho chúng. Nó nói qua trung gian người và dành hoàn toàn sự kiểm soát người ấy. Những người bị chiếm thân xác như vậy còn được gọi là xác đồng, hoặc có khi chúng trở thành phù thủy (sorcerers) hoặc thầy trừ tà (exorcists). Ở Mỹ, tôi đã gặp một người như vậy, một người Mỹ tự bảo rằng mình là Jesus. Một phút sau, anh ta nói rằng Thượng đế đã nhập vào trong anh ta bảo anh ta nói. Rồi một lát sau anh ta nói rằng Thượng đế đã đến và muốn nói chuyện với anh ta. Chừng 5 năm sau, anh ta trở lại gặp tôi. Tôi mắng anh ta: “Ông thậm chí chẳng nhận ra chính ông nữa. Ông là yêu ma hoàn toàn, và ông không được tốt.” Thế là anh ta bỏ đi. Anh ta đến để nói pháp với tôi, nhưng anh ta không bao giờ trở lại khi tôi mắng anh ta. Và tôi lại tự nghĩ rằng:

“Tôi không hiểu làm sao để nói với mọi người. Tại sao mình đuổi được gã Jesus–Thượng đế đó?”

Dù sao, đó cũng là một ví dụ của loại người tà mị. Tại sao họ bị mắc phải quả báo như vậy? Là vì trong những đời trước, họ trộm cắp. Thế nên họ buộc phải rơi vào một trong những phạm loại như thế này.

Đôi khi ở Trung Hoa, loại xác đồng này rất hấp dẫn. Họ có thể cắm cây dao trên đỉnh đầu mà không chết. Loài quỷ mị đang đoạt hồn họ sẽ gỡ lưỡi dao bằng cách dùng một thần chú, thế nên người ấy không đổ một giọt máu. Có người có thể đóng những cây đinh vào bên vai, từ những cây đinh, họ treo những thanh gươm mỗi cây nặng hơn 10 *pounds*.<sup>1</sup> Họ có thể treo bốn thanh gươm như vậy rồi quay tròn chúng. Xem rất là kinh khủng. Mọi người đều kinh hãi. Có khi chúng thực sự có khiêu. Tôi đã gặp nhiều loại quỷ mị này và quyển thuộc của ngoại đạo. Khi quý vị xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quý vị sẽ thấy rằng từ lâu, Đức Phật đã mô tả mọi loài chúng sinh trong thế giới rất là rõ ràng. Do vậy, đã được nghe giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm rồi, quý vị sẽ nhận biết được bất luận điều gì mình phải đề phòng.

Chương này gọi là “*Từ chúng thanh tịnh minh hối.*” Là

---

<sup>1</sup> Đơn vị đo lường trọng lượng, bằng 0, 454 kg = 16 ounce theo hệ thống đo lường của Anh Mỹ. Viết tắt IP

Phần rất quan trọng trong bộ Kinh này. Nên hãy hết sức chú ý.

Nếu chúng ta không dừng lại việc trộm cắp, chúng ta sẽ thấy rằng mình rất khó thành Phật. Tuy nhiên, nhiều người vẫn hy vọng thành Phật. Nay chúng ta đã hiểu được giáo lý này rồi, người nào đã mắc phải tội trộm cắp thì nên thay đổi. Những người không mắc phải lỗi này thì không nên để cho niệm tưởng trộm cắp khởi dậy. Đó là cách hay nhất tương ứng với đạo.

**Kinh văn:**

彼等群邪亦有徒眾。各各自謂成無上道。

*Bỉ đẳng quần tà diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.*

**Việt dịch:**

**Các nhóm tà đạo kia cũng có đồ chúng. Họ đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.**

**Giải thích:**

**Các nhóm tà đạo kia là yêu ma quỷ quái, ly mị võng lượng hại người. Họ cũng có đồ chúng.**

Trên thế gian này, mọi loài đều có đồ đệ của nó. Nên có câu:

*Người tốt tìm đến với nhau.*

*Người xấu lập bè đảng.*

*Người cùng hội cùng thuyền tìm đến với nhau.*

Thế nên, ngay cả những loài tà ma yêu quái này cũng tụ họp lại với nhau và có quyền thuộc của chúng.

### **Họ đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.**

Họ không nhận ra được cái gì là chân thật vô thượng, thay vào đó, họ cho rằng cách sinh hoạt của mình là hay nhất. Họ nói rằng họ đã đạt được đạo vô thượng, đến mức họ cho rằng niệm Phật là nhọc công vô ích, và nói rằng họ là như vậy. Họ biện luận: “Hãy xem năng lực thần thông của tôi.”

Thực ra, họ là yêu ma quỷ quái. Họ hoàn toàn đều theo tà hạnh.

### **Kinh văn:**

我滅度後末法之中，多此妖邪熾盛世間，潛匿姦欺，稱善知識。各自謂已得上人法。該惑無識，恐令失心。所過之處其家耗散。

*Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử yêu tà xí thanh thế gian, tiềm nặc gian khi, xưng thiện tri thức. Các tự vị dĩ đắc thượng nhơn pháp. Huyền hoặc vô thức, khùng linh thất tâm. Sở quá chi xứ kỳ gia hao tán.*

### **Việt dịch:**

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại yêu ma tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian, lén lút gian dối xưng là thiện tri thức. Họ đều tự xưng đã được pháp thượng nhân. Dối gạt kẻ không biết, dọa



**dẫn khiến họ mất lòng tin. Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán.**

**Giảng giải:**

Tôi đã gặp rất nhiều loại tà ma này. Người Tây phương không quen lắm với loại yêu quái này, nhưng không phải như vậy vì người Trung Hoa tin vào quỷ thần. Đúng như vậy, càng lúc, các hiện tượng kỳ dị xảy ra trên thế gian ngày càng nhiều hơn.

**Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại yêu ma tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian,**

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong kinh này đã nói với chúng ta rằng thời đại ta đang sống sẽ bị hoành hành bởi loại tà mà này. Chúng ta không nên nhìn vào những việc mình thấy để tin rằng chúng tồn tại. Đơn giản vì còn nhiều việc trên đời mà mình chưa thấy được. Nếu chúng ta phải đợi cho đến khi mình thấy được mỗi thứ bằng chính con mắt của mình, thì không thể nào nhìn hết được trong đời này. Còn có một số điều mà quý vị phải nghe lời nói của người khác mới biết.

Chúng **sôi nổi trong thế gian**. Chúng giống như lửa đang thiêu cháy mọi người. Những người không nhận biết những loài tà ma này, sẽ dính mắc vào chúng và như thế bước vào đồng lửa hừng hực cháy. Những người này sẽ bị thiêu đốt. “Bí mật” là nghĩa mà chúng đi khắp nơi để dối gạt mọi người.

**Chúng lén lút gian dối xưng là thiện tri thức. Họ đều tự xưng đã được pháp thượng nhân.**

Chúng tự xưng mình là Thiện tri thức mắt sáng Thượng nhân là chỉ cho Bồ-tát. Nói cách khác, chúng tự xưng mình là Bồ-tát. Trong đạo Phật, dù quý vị là một vị Bồ-tát, thậm chí là một vị Phật thị hiện, quý vị cũng không nên nói mình là Phật hay là Bồ-tát. Quý vị phải giữ im lặng về điều ấy khi nào mình còn sống, cho đến hơi thở cuối cùng.

Quý vị không thể nói: “Tôi là Phật! Tôi là Bồ-tát! Tôi là A-la-hán!” Người nào nói như vậy thì đó là yêu ma, giống như người được mô tả trong kinh này. Khi nào quý vị mới để cho mọi người biết? Sau khi quý vị chết. Lúc ấy mọi người mới biết. Nhưng quý vị không được để cho họ biết khi quý vị chưa chết. Có ý nghĩa gì trong lời tuyên bố mình là Phật? Có ý nghĩa gì? Quý vị nói rằng mình là Bồ-tát? Sao vậy? Có ý nghĩa gì trong lời nói như vậy? Chẳng có lý do gì khác hơn là khiến cho người khác tin vào mình. Và tại sao quý vị muốn mọi người tin vào mình? Để họ cho quý vị tiền? Quý vị làm việc ấy vì muốn lợi dưỡng và tâm phan duyên. Nếu đó không phải là ý định của quý vị, thế tại sao quý vị nói với mọi người mình là Phật sống? Nếu quý vị là Bồ-tát. Được rồi! Quý vị là Bồ-tát; tại sao quý vị lại đi nói với mọi người như vậy?

Điều này nhắc tôi nhớ một số chuyện đã diễn ra ở Trung Hoa.

Một hôm có một vị quan đến chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai để hỏi thăm thầy trú trì Phong Can. Hai người nói chuyện với nhau. Quý vị sẽ hỏi viên quan ấy tên gì? Đừng hỏi tôi, Tôi quên mất rồi. Có thể người đó là quý vị, có thể là tôi, không chắc chắn. Vị quan nói với thầy trú trì: “Trong quá khứ, thường có nhiều Bồ-tát thị hiện ở thế gian, nhưng thời đại này lại không có. Tôi muốn được diện kiến một vị Bồ-tát chân thực nhưng không thấy.”

Trú trì Phong Can nói, “Ồ! Ông muốn gặp Bồ-tát? Có hai vị đang ở đây. Tôi sẽ giới thiệu cho ông được gặp.”

Vị quan hoàn toàn ngạc nhiên. “Có hai vị Bồ-tát đang ở đây? Ý ngài muốn nói là một vị bằng đất sét, và một vị tạc bằng gỗ?”

Thầy trú trì trả lời: “Không phải vậy. Hai vị Bồ-tát này là người thật. Họ là những vị Bồ-tát sống.”

Vị quan hỏi, “Ngài không đùa chứ?”

Trú trì đáp: “Tôi là trú trì ở đây. Làm sao tôi nói đùa chuyện như vậy. ”

“Họ đâu rồi?”

“Một vị đang nấu cơm và một vị đang đun nước. Một vị là Hàn Sơn và một vị là Thập Đắc. Một vị là hóa thân của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, một vị là hóa thân của Bồ-tát Phổ Hiền. Họ thực hành pháp tu khổ hạnh trong chùa này, chuyên làm những việc phục dịch. Họ

làm những việc không ai muốn làm. Nếu ông muốn gặp họ, rất đơn giản, hãy vào nhà bếp và sẽ thấy họ đang ở đó. Ông thấy hai vị tăng lấm lem, rách rưới, râu tóc bù xù, mặt đầy bụi bẩn, với một dáng dấp rất xấu xí. Nhưng thầy Trú trì bảo đó là hai vị Bồ-tát, nên ông chẳng dám xem thường họ. Thay vì vậy, ông xá chào họ. Hai vị ấy hỏi: “Ông làm gì vậy? Tại sao ông xá chào tôi?”

“Trú trì Phong Can nói rằng các ông là hóa thân của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Phổ Hiền, thế nên tôi xá chào các ông.”

Hai vị nói: “Lão Phong Can ba hoa!”

Có ý muốn nói thầy trú trì là người hay dính vào chuyện kẻ khác.

Một vị nói:

“Lúc này ông ta nói quá nhiều!”

Thế nên khi viên quan đang cúi chào, họ liền rút lui và biến mất, không ai biết họ đã đi cách xa chừng nào— có lẽ cách xa đến cả trăm bước từ nhà bếp đến bờ đá dưới chân núi. Tiếng hai người vọng lại, “Lão Phong Can hay bép xép. Ông không chịu lạy Phật A-di-đà, lạy chúng tôi làm gì?”

Viên quan hỏi: “Ai là Đức Phật A-di-đà?”

“Trú trì Phong Can. Ông ta là Đức Phật A-di-đà tái thế. Hãy để mặc chúng tôi. Về lạy ông ta đi.”

Khi viên quan vẫn còn đứng đó trong kinh ngạc,

thì hai vị tăng lem luốc kia đã đi xa và biến mất sau rặng núi đá.

Nơi đó bây giờ gọi là Nguyệt Quang Nham trên núi Thiên Thai—nơi mà hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc đã biến mất.

Viên quan vội vã trở về chùa Quốc Thanh để đánh lễ Trú trì Phong Can—Đức Phật A-di-đà. Nhưng khi ông vào trong chùa, thấy thầy trú trì đã ngồi an nhiên thị tịch. Ngài đã nhập niết-bàn. Viên quan bây giờ biết rằng Trú trì chính là Đức Phật A-di-đà thị hiện, nhưng đã quá trễ rồi! Ông ta không thấy được những gì là chân thực ngay trước mắt của mình. Đức Phật A-di-đà đã đi rồi.

Tại sao chư Phật và Bồ-tát khi biến mất rồi mới cho mọi người biết các ngài là ai? Nếu mọi người biết, thì họ sẽ đến để đánh lễ các ngài suốt ngày đến mức sẽ quá phiền phức. Sẽ không còn thời gian nào để tu tập. Thế nên các ngài không muốn cho biết mình là ai.

Đó là cách thức trong đạo. Người ta không bao giờ nói: “Hãy nhìn xem! Tôi là người đã giác ngộ! Tôi là Phật!”

Người như vậy thì chẳng khác gì người được đề cập trong kinh này. Tôi chưa từng gặp người nào công nhận là mình đã giác ngộ. Hoà thượng Hư Vân cũng vậy, và các vị Hoà thượng khác đã giác ngộ ở Trung Hoa cũng không nói một lời nào là họ đã giác ngộ, dù hỏi họ trực tiếp. Không bao giờ có chuyện đó trong đạo Phật. Ngoài ra, có lẽ có trong đạo Phật tân thời.

Người được mô tả trong kinh tuyên bố rằng họ là thượng nhân. “Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là Bồ-tát Di-lặc. Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là Bồ-tát Quán Thế Âm. Nay các ông đã biết, đừng bỏ mất cơ hội. Hãy lạy tôi làm thầy. Nếu các ông không muốn lạy tôi, thì hãy lạy thầy tôi. Tôi sẽ cấp cho các ông cái giấy chứng nhận và 65 đô-la. Tôi sẽ truyền pháp cho ông.”

Họ đi khắp, **Đói gạt kẻ không biết.** Họ gạt gẫm người cả tin. Tôi đã gặp hạng người này rất nhiều. Họ nói rằng: “Tôi có pháp bảo, tôi sẽ bán cho các người, một người 300 đô-la. Đó là bởi vì tôi rất thích các người, nên tôi sẽ để dành cho quý vị. Nếu tôi không thích quý vị, tôi sẽ không trao cho quý vị đâu.”

Thế là đệ tử đưa cho thầy 300 đô-la để lấy pháp bảo. Có người đòi quý vị đến 1000 đô-la. Chẳng bao lâu, ví của vị thầy già nặng túi. Khi ông ta chuyển tài sản của mình từ chỗ an toàn này đến chỗ an toàn khác, ông ta phải dùng xe lửa! Nhiều người đã thất vọng vì việc này. Khi quý vị giảng nói pháp chân chính cho họ nghe, như bảo họ “Đừng sát sanh.” Họ không tin điều đó. “Đừng trộm cắp.” Họ cũng không tin điều đó. “Đừng dâm dục.” Họ cũng không tin điều đó. Nhưng nếu quý vị nói với họ rằng mình có một điều gì đó sẽ đem đến cho họ lợi ích thì họ sẽ trả tiền cho quý vị liền.

**Chúng dọa dẫm khiến họ mất lòng tin.**

Chúng khiến cho quý vị mất sạch trí huệ mà quý vị vốn có. Họ làm cho quý vị mê mờ.

**Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán.**

Họ thực sự là kẻ giàu có bản thủ, nhưng bất kỳ đi đâu, họ cũng đều tích lũy thêm nhiều của cải, lột sạch chủ nhà những thứ tài sản, chìa khóa, chứng khoán và ruột tượng.

**Kinh văn:**

我教比丘循方乞食，令其捨貪成菩提道。諸比丘等不自熟食，寄於殘生旅泊三界。示一往還去已無返。

*Ngã giáo tỷ-khuru tuần phương khát thực, linh kỳ xả tham, thành bồ-đề đạo. Chư tỷ-khuru đẳng bất tự thực thực, ký u tàn sanh lý bạc tam giới. Thị nhất vãng hoàn khứ dĩ vô phản.*

**Việt dịch:**

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru theo thứ tự khát thực, là khiến họ xả trừ lòng tham, thành tựu đạo bồ-đề. Các hàng tỷ-khuru không tự nấu ăn, gửi cái thân sống nhờ như khách trọ trong ba cõi. Hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại nữa.

**Giảng giải:**

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru theo thứ tự khát thực, là khiến họ xả trừ lòng tham.

Khi đến giờ khát thực, mỗi vị tỳ-khuru nhắm đến một phương nhất định và đi quanh một chỗ nhất định. Các vị mang bình bát đi khát thực. Tại sao Đức Phật dạy họ phải khát cầu thực phẩm? Trước hết, khi các vị cư sĩ Phật tử dâng tặng thức ăn cho người xuất gia, là họ có được quả báo phước đức và chấm dứt khổ đau. Thứ hai, khi tỳ-khuru đi khát thực, họ sẽ dùng bất cứ thức gì xin được. Nếu ngon, thì ăn ngon; nếu dở, thì ăn dở. Do vậy họ sẽ xả bỏ được lòng tham. Nếu mình tự nấu nướng, quý vị sẽ nghĩ, “Những thức ta nấu ngày hôm nay không được ngon; Tuy nhiên, ngày mai ta sẽ nấu thứ ngon hơn, và ngày kia ta sẽ làm thứ tuyệt diệu hơn nữa.” Sẽ không có chỗ tận cùng. Khi đi khát thực, sẽ không có cơ hội để chọn lựa. Ta không thể nào phân biệt thức ăn thức uống nào ngon hay dở. Ta không thể nói: “Thức ăn mình xin được ngày hôm nay rất ngon.” Rồi ăn với sự thích thú. Và ngày sau, nếu thức ăn không được ngon, ta ăn không nổi. Cách thức ấy không được phép. Mình ăn cả thứ ngon lẫn không ngon. Tinh thần chung là ăn để no và quên bằng mọi thứ. Đó là để đối trị lòng tham.

Theo cách này, hành giả có thể **thành tựu đạo bồ-đề**.

Đó là vì có câu nói: *“Kẻ trí quan tâm đến đạo, chẳng bận tâm đến thức ăn.”*

Những người đến để tham cứu Phật pháp, không nên bận tâm đến thức ăn.



**Các hàng tử-khuru không tự nấu ăn, gửi cái thân sống nhờ như khách trọ trong ba cõi. Hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại nữa.**

Họ chỉ cần ăn đủ để duy trì thân mạng. Cuộc đời chúng ta, dù ở trên đất liền hay ở trên nước, cũng giống như đang ở trong một khách sạn—ngắn ngủi phù du trong chốc lát. Đứng để dính mắc với nó. Các vị tử-khuru đã chấm dứt tâm tham, thế nên khi sinh mạng trong ba cõi này chấm dứt, thì họ không còn trở lại nữa. “Nơi này là uế độ, tôi không trở lại nữa.” Đó là tâm niệm của các vị tử-khuru. Dù ở Mỹ, với những nhà vệ sinh rất đẹp đẽ và những ngôi nhà rất tráng lệ—cũng đủ để ở đó một lần. Đừng trở lại! Đừng tham muốn các nhà vệ sinh ấy. Trước tiên là nó rất hôi thối, tại sao quý vị lại thích nó? Thực ra cả thế gian này đều hôi thối. Quý vị chớ cho rằng đó là chỗ sạch sẽ. Thế gian này chính nó là một cái nhà vệ sinh.

**Kinh văn:**

云何賊人假我衣服。裨販如來造種種業，皆言佛法。却非出家，具戒比丘為小乘道。由是疑誤無量眾生墮無間獄。

*Vân hà tặc nhơn giả ngã y phục, tì bản Như Lai tạo chủng chủng nghiệp, giai ngôn Phật pháp. Khước phi xuất gia cụ giới tử-khuru vi tiểu thừa đạo. Do thị nghi ngô vô lượng chúng sanh đọa vô gián ngục.*

### Việt dịch:

**Tại sao loại giặc ấy lại mượn y của Phật, buôn bán Như Lai, tạo vô số nghiệp, nói rằng đó đều là Phật pháp. Lại chê hàng xuất gia thọ giới tỷ-khuru là đạo Tiểu thừa. Do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.**

### Giảng giải:

**Tại sao loại giặc ấy lại mượn y của Phật.**

Họ mặc y phục của hàng xuất gia và nói với mọi người rằng; “Tôi là Pháp sư giảng kinh. Quý vị nên hoàn toàn tin vào tôi.”

**Chúng buôn bán Như Lai.** Họ dùng Phật pháp để đổi chác. Họ buôn bán Phật pháp. Tất cả điều họ cần làm là nghĩ cách để kiếm tiền. Họ nói rằng; “**Đó đều là Phật pháp.**” Họ bảo rằng tất cả đều là Phật pháp. Khiêu vũ là Phật pháp, uống rượu là Phật pháp, chơi nhạc là Phật pháp. Đây là các thứ trong 84.000 pháp môn.”

Họ thật là những kẻ rất ba hoa. “Hút thuốc là Phật pháp, đánh bạc là Phật pháp, ai muốn làm gì tùy thích.” Họ rất tùy tiện, thậm chí đến mức độ ai muốn làm điều gì, họ đều cho là đúng.

**Lại chê hàng xuất gia thọ giới tỷ-khuru là đạo Tiểu thừa.**

Nếu có ai gọi họ và hỏi, “Anh đã thọ giới Cụ túc<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Tức giới Tỷ-khuru. Còn gọi là Cận viên. Đại giới.

chưa?” Thậm chí họ chẳng hiểu là quý vị đang nói điều gì. Thậm chí họ không hiểu về năm giới cấm, nói gì đến 8 giới,<sup>1</sup> hoặc 10, giới trọng và 48 giới khinh.<sup>2</sup> Chính họ không đáng được người đời tin cậy là hàng xuất gia. Tầm nhìn của họ rất hạn hẹp và đầy tự ngã.

**Do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.**

Họ khiến cho người khác mê lầm, và vốn chính họ cũng không hiểu. Ban đầu những người theo họ đều có ý định tốt, nhưng khi đã dính mắc với một vị thầy điên đảo như vậy rồi nên cuộc đời họ sẽ được kết thúc trong tình trạng đã nêu ra trước đây:

*Nếu một người mê mờ  
Truyền dạy sự mê lầm cho người khác  
Khi mọi điều được nói và làm,  
Thì chẳng có ai hiểu được.  
Thầy đọa vào địa ngục  
Trò cũng phải vào theo.*

Trong địa ngục vô gián, không lúc nào cảnh khổ bị gián đoạn. Một người chón đầy cả địa ngục bằng những cảnh khổ, và nhiều người cũng chón đầy địa ngục theo cách như vậy. Chỉ một người trong địa ngục, đã không còn thừa chỗ. Và bất luận có bao nhiêu người trong đó, địa ngục vẫn chứa trọn. Chúng sinh ở địa ngục

<sup>1</sup> Bát quan trai giới.

<sup>2</sup> Bồ-tát giới.

ấy không bao giờ ra khỏi chỗ này. Thế nên rất nguy hiểm khi gieo nhân duyên với chỗ đó.

**Kinh văn:**

若我滅後，其有比丘發心決定修三摩提。能於如來形像之前。身然一燈燒一指節。及於身上薰一香炷。我說是人無始宿債一時酬畢。長挹世間，永脫諸漏。雖未即明無上覺路。是人於法已決定心。

*Nhược ngã diệt hậu, kỳ hữu tử-khuru phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Năng ư Như Lai hình tượng chi tiền, thân nhiên nhất đặng, thiêu nhất chỉ tiết, cập ư thân thượng nhiệt nhất hương chú. Ngã thuyết thị nhân vô thủy tức trái nhất thời thù tất. Trường áp thế gian vĩnh thoát chư lậu. Tuy vị tức minh vô thượng giác lộ, thị nhơn ư pháp dĩ quyết định tâm.*

**Việt dịch:**

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tử-khuru phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Có thể trước hình tượng Như Lai, tự mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay; hay ở trên thân đốt một liều hương. Như Lai nói người này, nợ nần từ kiếp lâu xa, nay được trả hết trong một đời, xa lìa thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu hoặc. Người ấy tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định.

**Giảng giải:**

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tử-khuru phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Có thể trước hình tượng Như Lai, tự mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay; hay ở trên thân đốt một liều hương. Như Lai nói người này, nợ nần từ kiếp lâu xa nay được trả hết trong một đời.

Những vị tử-khuru này, dưới sự hướng dẫn chân chính, vào đúng thời điểm, và với oai nghi nghiêm chỉnh, vị ấy dùng dao cắt thịt trên thân mình, rồi rót một ít dầu vào nơi thịt đã bị khoét ra, rồi từ đó thắp lên một ngọn đèn để cúng dường chư Phật. Hoặc có khi các vị ấy đốt một ngón tay theo đúng nghi thức, hoặc họ đốt một vài liều hương trên thân mình, chẳng hạn trên cánh tay. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni dạy rằng, những người như vậy, nghiệp chướng nợ nần họ đã tạo trong vô lượng kiếp trước đều có thể tiêu trừ qua việc làm đơn giản này.

**Xa lìa thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu hoặc. Người ấy tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định.**

Họ đã có sự phát tâm dứt khoát và sẽ không bao giờ thối chuyển.

**Kinh văn:**

若不為此捨身微因。縱成無為必還生人，酬其宿債。如我馬麥正等無異。

*Nhược bất vi thử xả thân vi nhân, túng thành vô vi tất hoàn sanh nhân, thù kỳ túc trái. Như ngã mã mạch chánh đặng vô dị.*

**Việt dịch:**

**Nếu không gieo được cái nhân xả thân nhỏ bé ấy, dù có thành đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, hoàn trả các nợ cũ, như quả báo ăn lúa ngựa của Như Lai.**

**Giải thích:**

**Nếu không gieo được cái nhân xả thân nhỏ bé ấy, dù có thành đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, hoàn trả các nợ cũ.**

Nếu mình không làm những hạnh hy sinh thân mạng, như đốt đèn trên thân hay đốt một ngón tay, hoặc đốt hương trên cánh tay, như gieo trồng vài thiện pháp, thì dù có thành tựu đạo nghiệp, dù trở thành giác ngộ, thậm chí thành Phật, thì mình vẫn phải trả các món nợ cũ. Mình vẫn phải thọ thân người trở lại và trả các nghiệp đã vay trong quá khứ,

**Như quả báo ăn lúa ngựa của Như Lai.**

“Như Lai đã phải ăn lúa dành cho ngựa suốt 90 ngày trong đời này.” Đức Phật nói.

Tại sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni phải chịu quả báo như vậy? Chuyện xảy ra từ thời quá khứ, khi ngài là một vị Bà-la-môn nhận dạy 500 vị thanh niên cách thức tu đạo. Lúc đó, có một Đức Phật đang thị hiện trên

thế gian. Một hôm, Đức Phật kia cùng các vị tỳ-khuru đi khát thực, Đức Phật dạy các vị tỳ-khuru nhận được vật phẩm cúng dường thì nên trích bớt một phần ngon trong bát của mình dành cho vị tỳ-khuru đang bị bệnh không thể đi khát thực được. Khi họ đi khát thực về, họ đi qua vùng núi nơi mà vị Bà-la-môn tức tiền thân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tu nhân địa. Khi vị Bà-la-môn chỉ nhận được một chút ít thực phẩm từ bát rất đầy của họ, ông ta trở nên ghen tức, “Tại sao các *lão tăng*<sup>1</sup> kia được ăn nhiều thế? Các ông ấy chỉ đáng được ăn lúa ngựa.”

Năm trăm đệ tử của vị Bà-la-môn hoà theo ông ta: “Đúng vậy! Họ chỉ đáng được ăn lúa ngựa.”

Sau khi vị Bà-la-môn thành Phật, ngài phải đưa 500 vị đệ tử tỳ-khuru của mình sang một nước khác để an cư. Ngoài mặt, quốc vương nước ấy thân mật đón tiếp ngài, nhưng vua không cúng dường cho chư tăng an cư. Sau cùng, một người buôn ngựa trong nước biết được rằng Đức Phật và giáo đoàn tỳ-khuru không được cúng dường thực phẩm, thế nên ông ta chia cho chư tăng phần thực phẩm dùng để nuôi ngựa. Dù vị Bà-la-môn đã thành Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và 500 vị đệ tử trẻ của ngài đã thành 500 vị A-la-hán, Đức Phật vẫn phải trả nghiệp cũ trong đời quá khứ qua việc 90 ngày phải ăn lúa ngựa.

---

<sup>1</sup> Nguyên văn Anh ngữ: *bald monks* (lão tăng trọc).

Thế nên, Đức Phật nói rằng nếu người nào không làm được những hạnh xả thân này, thì trong tương lai họ phải trả những nghiệp đã tạo trong đời trước, như họ đã gây ra.

**Kinh văn:**

汝教世人修三摩地，後斷偷盜。是名如來先佛世尊第三決定清淨明誨。

*Nhữ giáo thế nhơn tu tam-ma-địa, hậu đoạn thâu đạo. Thị danh Như Lai tiên Phật Thế tôn đệ tam quyết định thanh tịnh minh hối.*

**Việt dịch:**

Ông dạy người đời, tu pháp tam-ma-địa, sau nữa, dứt trừ tâm trộm cắp. Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Phật Như Lai Thế tôn trong quá khứ.

**Giải thích:**

Ông dạy người đời, tu pháp tam-ma-địa, sau nữa, dứt trừ tâm trộm cắp.

Khi họ muốn tu đạo, họ phải trừ bỏ tâm trộm cắp.

“Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Phật Như Lai Thế tôn trong đời trước.”

**Kinh văn:**

是故阿難若不斷偷修禪定者。譬如



有人水灌漏卮<sup>1</sup>欲求其滿。縱經塵劫終無平復。

*Thị có A-nan, nhược bát đoạn thâu tu thiền định giả, thí như hữu nhân thủy quán lậu chi, dục cầu kỳ mãn. Túng kinh trần kiếp chung vô bình phục.*

**Việt dịch:**

Cho nên A-nan, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp mà tu thiền định, cũng như rót nước vào bình thủng, mà mong cho đầy. Dù trải qua nhiều kiếp số như vi trần, rót cục vẫn không đầy được.

**Giảng giải:**

Cho nên A-nan, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp mà tu thiền định, cũng như rót nước vào bình thủng, mà mong cho đầy. Dù quý vị cố gắng rót đầy nước vào một cái chén bị thủng dưới đáy, thì

Dù trải qua nhiều kiếp số như vi trần, rót cục vẫn không đầy được.

**Kinh văn:**

若諸比丘衣鉢之餘分寸不畜。乞食餘分施餓眾生。於大集會合掌禮眾。有人捶<sup>2</sup>罵同於稱讚。必使身心二俱捐捨。身肉骨血與眾生共。不將如來不了義

<sup>1</sup> Cái bình sành lùn. Thường dùng như chữ *chi* 卮.

<sup>2</sup> Âm khác: *Chuy*: Đánh ngã; Đập, giã.

說。迴為已解以誤初學。佛印是人得真三昧。

*Nhược chư tử-khuru y bát chi dư, phân thốn bất súc. Khất thực dư phần thí nga chúng sanh. Ư đại tập hội, hợp chúng lễ chúng. Hữu nhơn chủy mạ, đồng ư xưng tán. Tất sử thân tâm nhị câu quyên xả. Thân nhục cốt huyết, dĩ chúng sanh cộng. Bất tương Như Lai bất liễu nghĩa thuyết, hồi vi dĩ giải dĩ ngộ sơ học. Phật ấn thị nhơn đắc chơn tam-muội.*

#### Việt dịch:

Nếu các tử-khuru, ngoài y bát ra, không tích trữ mảy may. Khất thực có thừa, bỏ thí cho chúng sinh đói. Nơi hội lớn đông người, chấp tay lễ bái đại chúng. Nếu có người đánh mắng, xem như khen ngợi mình. Xem thân thịt máu xương của mình giống như thân của chúng sinh. Nếu không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ tỏ ngộ của mình, khiến cho kẻ sơ học khỏi bị lầm lạc, thì Như Lai ấn chứng người ấy chân thực được tam-muội.

Nếu các tử-khuru, ngoài y bát ra, không tích trữ mảy may.

Các vị tử-khuru chỉ có ba y, một bình bát, và toạ cụ. Họ không cần thêm thứ gì khác. Họ không tích lũy của cải.

**Khất thực có thừa, bỏ thí cho chúng sinh đói.**

Họ ban tặng những vật phẩm thừa khi khát thực cho những người không có gì để ăn.

**Nơi hội lớn đông người, chấp tay lễ bái đại chúng.**

Các vị tử-khưu chấp tay cung kính vái chào mọi người trong hội chúng. **Nếu có người đánh mắng, xem như khen ngợi mình.**

Xem lời chửi mắng cũng như là lời khen tặng. Họ không phản ứng với lời mắng nhiếc.

**Xem thân thịt máu xương của mình giống như thân của chúng sinh.**

Tâm của các vị không ôm ấp tâm niệm kiêu mạn và thân không phản ứng theo lối thể hiện sự kiêu ngạo và tự ái. Khi có người nào mắng nhiếc mình, quý vị nên xem như họ đang hát tặng mình. Nếu mình chẳng mắng ai mà họ mắng mình, thì hay nhất là quý vị đừng cần hiểu những gì họ đang nói. Những lời ấy đối với quý vị chẳng có nghĩa gì cả. Như thể họ nói một thứ tiếng gì đó mà mình chẳng hiểu, như tiếng Nhật, tiếng Anh, hay tiếng Hoa, nhờ đó mà quý vị chẳng hiểu gì cả.

Khi có người thực sự mắng mình, quý vị hãy nghĩ rằng: “Ồ! Ông ta đang nói với tôi những điều tốt đẹp biết bao!” Hãy nhìn ngược lại. Nếu có người đánh mình, chỉ giả vờ như mình đụng vào tường. Giả như mình bắt cần chạy va vào tường và để lại một cục u lớn trên đầu.

Nếu quý vị quay lại và đâm vào tường rồi nói, “Tại

sao lại va vào tôi?” Quý vị chỉ kết thúc bằng bàn tay đau. Khi có người đánh quý vị, nếu mình xem đó như là va vào tường, thì mọi chuyện xem như kết thúc ngay ở đó.

Hàng tử-khuru phát tâm bồ-đề chân chính, nên xả bỏ thân máu thịt của mình cho những chúng sinh khác nếu họ cần sự chia xẻ của mình. Có một lần Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang trong lúc tu hành nhân địa, ngài thấy một con cọp đói, ngài hiến thân mình cho cọp đói ăn. Cọp là loài thú dữ nhất trên đời, thế nên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong lúc đang tu hành nhân địa, ngài đã từ bỏ thân mạng mình, thí cho cọp đói.

**Nếu không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ tỏ ngộ của mình, khiến cho kẻ sơ học khỏi bị lầm lạc,**

Hàng tử-khuru không rao giảng giáo lý Tiểu thừa theo cách như thế hiểu theo ý mình. Nói cách khác, nếu không nói đúng như lời Phật dạy, thì chính mình đã hiểu sai và làm mê mờ người mới học. Nếu các vị tử-khuru không rơi vào lỗi ấy, **Như Lai ẩn chứng người ấy chân thực được tam-muội.**

Đức Phật sẽ ẩn chứng cho những người như vậy. Họ chân thực chứng được tam-muội.

**Kinh văn:**

如我所說名為佛說。不如此說即波旬說

*Như ngã sở thuyết danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.*

**Việt dịch:**

Như lời Như Lai nói đây, tức là lời của chư Phật. Nếu không đúng như lời nói đó, tức ma ba-tuần nói.

**Giảng giải:**

Đây là cách thức Đức Phật giảng pháp. Mọi lời giảng khác là của ma vương.

#### 4. DỨT TRỪ VỌNG NGŨ

##### Kinh văn:

阿難如是世界六道眾生，雖則身心無殺盜婬，三行已圓若大妄語。即三摩提不得清淨。成愛見魔失如來種。

*A-nan như thị thế giới lục đạo chúng sanh, tuy tác thân tâm vô sát đạo dâm, tam hạnh dĩ viên, nhược đại vọng ngữ, tức tam-ma-đề bất đắc thanh tịnh, thành ái kiến ma, thất Như Lai chủng.*

##### Việt dịch:

A-nan, chúng sinh trong thế giới lục đạo như thế, tuy thân tâm không còn sát đạo dâm, ba hạnh đều đã viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì tam-ma-đề không được thanh tịnh, sẽ thành giống ma ái kiến, và làm mất chủng tử Như Lai.

##### Giải thích:

A-nan, chúng sinh trong thế giới lục đạo như thế, tuy thân tâm không còn sát đạo dâm,

Thân không phạm vào việc sát hại, trộm cắp, dâm dục. Trong tâm cũng không có niệm tưởng sát hại, trộm cắp, dâm dục.

ba hạnh đều đã viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì tam-ma-đề không được thanh tịnh,

Đây có nghĩa là một thói quen, tập khí của họ; luôn luôn nói lời đại vọng ngữ. Do vậy, họ không được thanh tịnh. Họ sẽ thành giống ma ái kiến, và làm mất chủng tử Như Lai.

Họ sẽ trở thành ma ái, hoặc ma tà kiến. Tại sao họ làm mất chủng tử Như Lai? Vì họ nói quá sai sự thật.

**Kinh văn:**

所謂未得謂得，未證言證。或求世間尊勝第一，謂前人言。我今已得須陀洹果。斯陀含果阿那含果。阿羅漢道辟支佛乘。十地地前諸位菩薩。求彼禮懺貪其供養。

*Sở vị vị đắc vị đắc, vị chứng ngôn chứng. Hoặc cầu thế gian tôn thắng đệ nhất, vị tiền nhơn ngôn: Ngã kim dĩ đắc Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, Bích-chi Phật thừa, Thập địa địa tiền chư vị bồ-tát. Cầu bỉ lễ sám, tham kỳ cung dưỡng.*

**Việt dịch:**

Chưa được gọi là đã được, chưa chứng nói rằng đã chứng. Hoặc để mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc, bảo người khác rằng: Nay tôi đã đắc quả Tu-đà-hoàn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, được đạo A-la-hán, Bích-chi Phật thừa, hay các quả vị bồ-tát trong Thập địa hay trước Thập địa. Mong được mọi người lễ bái, tham được cúng dường.

**Giảng giải:**

Họ nói nổi kiêu nào? Bỏ sang một bên những lời nói dối bình thường.

**Chưa được gọi là đã được, chưa chúng nói rằng đã chúng.**

Họ chưa chúng đạo. Căn bản là, họ chẳng hiểu chút nào về tu đạo. Họ không biết cách niệm Phật. Họ không biết cách giữ giới, họ không biết cách ngồi thiền.

Họ làm như họ đã hiểu, nhưng họ chẳng hiểu gì cả.

Họ nghe người khác giảng giải thích vài đạo lý, và họ liền ngắt lời: “Tôi hiểu rồi. Tôi đã biết điều ấy từ lâu.” Hoặc họ nói: “Này! Tôi đã chúng đạo. Tôi là người giác ngộ. Tôi là Phật.”

**Chưa chúng nói rằng đã chúng.**

Họ chưa đạt được quả vị thứ nhất của A-la-hán, ít nhiều gì họ phải hiểu các quả vị đó, nhưng họ bảo, “Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là A-la-hán.” Hoặc nói, “Tôi là Phật.” Hoặc nói, “Tôi là Bồ-tát.” Tại sao họ nói những điều này?

**Hoặc để mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc,**

Đó như là gần đây có người nói với một vị đệ tử của tôi rằng: “Ông theo tông phái nào? Chúng ta nên theo phẩm trật, tôi sẽ là thủ lĩnh. Tôi là người sáng lập Phật giáo Mỹ quốc. Tôi là sơ tổ của Phật giáo Mỹ quốc.” Đó là “mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc.”

**Họ Bảo người khác rằng: Nay tôi đã đắc quả Tu-**



**đà-hoàn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, được đạo A-la-hán.**

Họ bắt đầu nói quanh là họ đã chứng sơ quả A-la-hán. Nhưng rồi mức độ đó không đủ cao quý, nên họ nói, “Ồ!, tôi vừa chứng quý vị thứ hai của A-la-hán.” Và một giây sau, họ lại tuyên bố họ đã chứng đến quả vị thứ tư. Tuy vậy, quả vị thứ tư cũng chỉ là A-la-hán, không phải là quả vị cao nhất, thế nên họ chưa hài lòng. Họ tuyên bố mình đạt đến **Bích-chi Phật thừa, hay các quả vị bồ-tát trong Thập địa hay trước Thập địa.**

Họ bắt đầu nói với mọi người rằng họ là Bích chi Phật, hoặc họ tuyên bố rằng mình đã đến một giai vị của Bồ-tát hạnh, hoặc thậm chí cả đến Thập địa. Tại sao những người như vậy tuyên bố rằng mình là A-la-hán, Bích chi Phật, và Bồ-tát? Chung quy là họ đang dối gạt mọi người và họ nói lời đại vọng ngữ để khiến mọi người tin vào họ. Nếu không có ai tin họ, họ sẽ không có lợi dưỡng. Ngay khi mọi người đã tin, của cải liền chảy về. Thế nên ý định của họ là **Mong được mọi người lễ bái, tham được cúng dường.**

Họ không sợ bị đọa vào địa ngục rút lưỡi. Nếu là người nói dối, sau khi chết, họ liền bị rơi vào địa ngục này, nơi đó có những lưỡi câu bằng sắt móc vào trong lưỡi họ rồi kéo ra, rồi có một lưỡi gươm cắt đứt lưỡi. Đó là quả báo của tội nói dối. Thế mà vẫn có người dám làm chuyện đó. Thậm chí chúng ta không dám nhìn qua cảnh giới này. Hãy lấy chuyện bị câm làm ví dụ. Tại sao bị câm? Vì họ

phải chịu quả báo nói dối quá mức (cường điệu). Họ được làm người, nhưng không nói được “Hãy xem bây giờ anh nói dối được chừng nào.” Đó là thông điệp.

Tại sao họ không nói được? Do họ đã bị cắt lưỡi. Dù họ có lưỡi, nhưng bản tính của nó đã bị mất, nên lưỡi ấy không có thực tính. Tại sao người ta bị mù? Là vì họ xem thường người khác. Họ luôn luôn xem chính mình là tốt hơn mọi người khác. Họ xem mình là thông minh hơn và lanh lẹ hơn trong mọi cách, thế nên đời này họ không thấy được mọi người. Bây giờ họ phải tự hỏi chính mình có thực sự tốt hơn mọi người khác nữa không? Người điếc là do bị quả báo nghe lén các cuộc bàn luận. Họ thường đặt tai vào lỗ khóa để nghe điều gì đang bàn bạc. Những gián điệp đời nay với vô số cách thức để nghe trộm người khác, để đánh cắp những bàn luận riêng tư, có thể sẽ chịu cùng quả báo như vậy và sẽ bị điếc trong một lúc nào đó ở tương lai.

Tuy nhiên, khi quý vị đã biết được đạo lý, quý vị sẽ từ bỏ việc nói dối, mình sẽ không bị cảm. Nếu quý vị không nghe lén người khác bàn luận, quý vị sẽ không bị điếc. Bị cảm, bị gù lưng, và bị mù đều là quả báo do báng bổ Tam bảo.

**Kinh văn:**

是一顛迦銷滅佛種。如人以刀斷多羅木。佛記是人永殞善根，無復知見，沈三苦海，不成三昧。

*Thị nhất-điên-ca tiêu diệt Phật chủng. Như nhơn dĩ đao đoạn đa-la-mộc. Phật ký thị nhơn vĩnh viễn thiện căn, vô phục tri kiến. Trầm tam khổ hải bất thành tam muội.*

### **Việt dịch:**

**Những kẻ nhất-điên-ca ấy tự tiêu diệt chủng tử Phật. Như người dùng dao chặt cây đa-la. Phật ấn ký người ấy mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến, chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu được pháp tam-muội.**

### **Giảng giải:**

**Những kẻ nhất-điên-ca ấy tự tiêu diệt chủng tử Phật.**

Những người nói lời đại vọng ngữ, chưa chứng nói mình đã chứng, chưa được nói mình đã được, và chưa hiểu nói mình đã hiểu—những người như vậy gọi là *nhất-xiển-đề*, có nghĩa là ‘người đoạn thiện căn.’ Nếu quý vị cắt đứt thiện căn mình, có nghĩa là các căn xấu ác sẽ chất chồng. Những người nói lời đại vọng ngữ và dối gạt người khác trên thế gian sẽ huỷ hoại chủng tử Phật trong chính họ

### **Như người dùng dao chặt cây đa-la.**

Cây đa-la,<sup>1</sup> trồng ở Ấn Độ, mọc ở vùng đất cao, nhưng nếu chặt đứt ngọn thì nó không mọc được nữa.

---

<sup>1</sup> S: tāla: Hán dịch: Đa-la thọ 多羅樹。Còn gọi Ngạn thọ 岸樹, Cao tủng thọ 高疎樹.

Những người đoạn trừ chủng tử Phật tương tự như chặt đứt ngọn cây đa-la, sẽ không bao giờ chủng tử Phật có lại được nữa.

**Phật ấn ký người ấy mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến.**

Thọ ký của Đức Phật về hạng người này là họ huỷ hoại thiện căn và trở thành bị tước mất mọi điều hay biết hoặc tri kiến.

**Chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu được pháp tam-muội.**

Ba biển khổ nói ở đây là:

1. Khổ đao kiếm (Kiếm đồ): Chỉ cho địa ngục đao sơn.
2. Khổ máu huyết (Huyết đồ): Chỉ cho địa ngục máu huyết, nơi toàn thân người bị hành cho chảy máu thường xuyên.
3. Khổ nạn lửa (Hoả đồ): Chỉ cho địa ngục hoả thiêu.

Những người này sẽ bị đọa vào ba địa ngục khủng khiếp này.

**Kinh văn:**

我滅度後勅諸菩薩及阿羅漢。應身  
生彼末法之中。作種種形度諸輪轉。

*Ngã diệt độ hậu, sắc chư Bồ-tát cập A-la-hán, ứng thân sanh bỉ mạt pháp chi trung. Tác chủng chủng hình độ chư luân chuyển.*

**Việt dịch:**

Sau khi Như Lai diệt độ, dạy hàng A-la-hán và Bồ-tát hãy ứng thân sinh trong đời mạt pháp, hiện ra nhiều hình tướng khác nhau để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi.

**Giảng giải:**

Sau khi Như Lai diệt độ, dạy hàng A-la-hán và Bồ-tát hãy ứng thân sinh trong đời mạt pháp.

Các vị nên dùng báo thân và hóa thân sinh ra nơi thế gian này, nơi có nhiều khổ nạn. Trong thời mạt pháp, các vị phải dùng nhiều thân tướng, hiện ra trong vô số cảnh giới—có thể là loài người, có thể là súc sinh, hoặc có thể là trong một cách thức nào đó. Họ sẽ tùy thuận chúng sinh để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi.

Họ sẽ cứu độ rộng rãi các chúng sinh. Các vị Bồ-tát sẽ trở lại thọ thân súc sinh. Quý vị đừng nghĩ rằng nói như vậy là không cung kính, vì các ngài thực sự làm điều đó. Trong các hạnh Bồ-tát, các ngài sẽ đến để hóa độ hàng súc sinh, như khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong đời quá khứ đã làm thân Lộc vương để cứu độ đàn nai.

**Kinh văn:**

或作沙門白衣居士，人王宰官，童男童女。如是乃至婬女寡婦姦偷屠販。與其同事稱歎<sup>1</sup>佛乘。令其身心入三摩地。

<sup>1</sup> Bản Taishō chép 歎. Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 讚.

*Hoặc tác sa-môn bạch y cư sĩ, nhân vương tế quan đồng nam đồng nữ. Như thị nãi chí dâm nữ quả phụ, gian thâu đồ phán. Dĩ kỳ đồng sự xung tán Phật thừa. linh kỳ thân tâm nhập tam-ma-địa.*

**Việt dịch:**

Hoặc làm sa-môn, cư sĩ bạch y, vua chúa, quan lại, đồng nam đồng nữ. Như vậy cho đến làm dâm nữ, làm người quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, kẻ buôn bán. Để cùng với họ đồng sự, xung tán Phật thừa, khiến cho thân tâm họ nhập vào tam-ma-địa,

**Giải thích:**

Các vị Bồ-tát và A-la-hán này dùng hóa thân mình để thành các vị **sa-môn**, là người đã xuất gia, hoặc đã thọ giới cụ túc, hoặc thọ giới sa-di. Hoặc các vị hóa thành **cư sĩ bạch y**. Cư sĩ không sống đời từ bỏ gia đình, và ở Ấn Độ họ được gọi là ‘hàng bạch y.’ Họ hộ trì tam bảo. Đây là do vì hàng xuất gia

Không cày cuốc, nhưng vẫn phải ăn

Không dệt vải, nhưng vẫn phải mặc.

Thế nên cần phải có hàng cư sĩ tại gia cúng dường,

Hoặc có vị Bồ-tát hóa thành vua chúa trong cõi người, hoặc là **quan lại**, Hoặc các ngài hóa thành **đồng nam đồng nữ**. Như vậy cho đến làm dâm nữ, làm người quả phụ. Thậm chí các ngài có thể hóa thành người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, kẻ buôn bán.

Ngay cả họ có thể hóa ra kẻ trộm đạo, kẻ đồ tể, hoặc giới buôn bán những thứ như ma túy. Các vị Bồ-tát và A-la-hán **cùng với họ đồng sự,**

Tại sao các ngài lại hóa thành các hạng người như vậy? Là vì các ngài muốn chuyển hóa những hạng người này. Để làm được việc đó, các ngài phải dùng Tứ nhiếp pháp.

1. Bố thí
2. Ái ngữ
3. Lợi hành
4. Đồng sự.

Trước hết các ngài nhiếp phục chúng sinh bằng bố thí. Có ba dạng bố thí:

1. Tài thí
2. Pháp thí
3. Vô úy thí.

Nếu mình có tiền, thì cho tiền. Nếu biết giáo pháp, thì giảng pháp cho họ nghe. Nếu có người sợ hãi, bối rối, thì mình an ủi và giúp đỡ cho họ, qua đó khiến cho họ hết sợ, đó là bố thí sự không sợ hãi. Nhưng để thực hiện những phương pháp này, mình phải không được tham cầu và mong được đáp trả. Quý vị không nên suy nghĩ, “A! Nay mình bố thí theo cách này, trong tương lai mình sẽ được nhiều điều tốt đẹp.” Hãy làm và quên đi. Hãy buông bỏ. Thế mới gọi là “Tam luân thể không.”<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Tam luân không tịch.

Ba phương diện đó là: người bố thí, vật phẩm đem bố thí và người nhận. Quý vị nên thực hành việc bố thí với phong thái đó là một việc mình nên làm, hơn là việc tích lũy các thứ công đức.

Bố thí pháp cũng như vậy. Khi quý vị giảng pháp cho người nghe, quý vị đừng nên nghĩ rằng, “Công đức giảng pháp của tôi lớn vô cùng, quý vị nên cúng dường cho tôi.”

Bố thí sự không sợ hãi cũng như vậy. Khi bố thí, quý vị không nên tính toán có bao nhiêu lợi lạc mà mình có được từ việc ấy. Cũng không nên có ý định bố thí khi thấy rằng sẽ có sự lợi lạc cho mình, trong khi đó, từ chối việc bố thí khi thấy mình chẳng được lợi lạc.

Thứ hai là nhiếp phục họ bằng ái ngữ. Chẳng hạn, Đức Phật nói với A-nan, “Thiện tai! Thiện tai!” Và bằng cách đó, các vị Bồ-tát khen ngợi các chúng sinh, nói rằng, “Con thực là một chú bé ngoan. Con thật là thông minh. Con rất có thiện căn.”

Thứ ba, các ngài nhiếp phục chúng sinh bằng lợi hành, có nghĩa là làm mọi việc để giúp ích cho người khác.

Thứ tư, các ngài nhiếp phục chúng sinh qua việc đồng sự. Có nghĩa là bất cứ họ làm việc gì, các ngài cũng làm với họ. Có khi Bồ-tát muốn cứu độ một cô gái điếm vốn có thiện căn đã đến lúc chín muồi, như con gái của Ma-đăng-già đề cập trong kinh này là một ví dụ.



Con gái của Ma-đăng-già là gái điếm, nhưng thời của cô đã đúng lúc, khi A-nan trở về Kỳ-viên tịnh xá, cô đi theo. Ngay sau khi nghe Đức Phật giảng pháp, cô ta chứng quả vị thứ ba của hàng A-la-hán. Sau cùng cô ta chứng quả thứ tư A-la-hán. Và cô ta là cô gái điếm đầu tiên chứng quả.

Thế nên để cứu độ các cô gái điếm, các vị Bồ-tát có thể hóa thân thành gái điếm, vì nếu họ tham dự vào cùng nghề nghiệp và thân thiện, những gì họ nói đều được tin tưởng bởi những người mà các ngài muốn cứu độ. Chẳng hạn, một sinh viên đại học có thể nói rằng, “Tôi tin Phật pháp, thật là vi diệu. Tôi sẽ tham cứu kinh này, kinh này ngay bây giờ.” Vị sinh viên kia sẽ nói: “Tôi cũng muốn đi. Tôi cũng muốn tìm hiểu kinh ấy.” Thế là họ cùng nhau đi nghiên cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Đó cũng như vậy.

Do vậy quý vị sẽ không thể nào hiểu được ai là Bồ-tát, ai là A-la-hán. Nhưng nếu quý vị là một trong các vị đó, thì đừng nói cho ai biết. Quý vị đừng có đi quanh ròi rao lên rằng, “Tôi là Bồ-tát. Các ông nên lắng nghe những gì tôi nói.” Tại sao quý vị không được làm như vậy? Vì Đức Phật cấm không được làm điều đó. Thế nên các vị Bồ-tát và A-la-hán cùng làm những việc như mọi người đang làm, nhưng khi làm việc đó, thì các ngài **xung tán Phật thừa, khiến cho thân tâm họ nhập vào tam-ma-địa.**

Họ có thể đắm mình vào trong cùng một công việc

với người khác, nhưng để giảng nói Phật pháp vào mọi lúc thích hợp. “Phật pháp rất hay! Không có gì sánh bằng.” Và với cách này, họ sẽ khiến cho người nghe bị lôi cuốn, như thể họ đang ăn một cây kẹo.

Điều đó nhắc tôi nhớ một câu chuyện trong Ngũ lục. Thời xưa ở Trung Hoa, vào đời Đường có một vị tăng pháp danh là Đỗ Thuận.<sup>1</sup> Ngài thường giảng kinh và thuyết pháp, và ngài còn dạy tham thiền. Có khi ngài lại dạy mọi người niệm Phật. Ngài dùng mọi phương pháp để giáo hóa mọi người. Ngài có một đệ tử đã xuất gia theo học với ngài hơn 10 năm. Thường ngày, chú đệ tử rất để tâm đến công hạnh của thầy mình. Chú cố gắng hiểu xem thầy mình là ai, có nghĩa là, thầy là Bồ-tát, là A-la-hán, hay có khi là Phật? Cuối cùng, sau 10 năm, chú đi đến kết luận rằng thầy mình, Pháp sư Đỗ Thuận, là một người bình thường, chẳng có điều gì khác lạ nơi thầy mình cả. Thầy ăn cũng như mọi người khác ăn. Thầy mặc cũng như mọi người đều mặc. Thầy ngủ cũng như mọi người ngủ. Thầy không có điều gì khác

---

<sup>1</sup> 杜順; c: Tu Hsun (557-640): Sơ tổ Hoa Nghiêm tông Trung Hoa. Hiệu Pháp Thuận. Ngài trụ ở núi Chung Nam, tuyên dương giáo lý kinh Hoa Nghiêm. Đường thời vua Đường Thái Tông nghe danh tiếng đạo hạnh của ngài, có mời vào cung thuyết pháp. Ngài còn dạy mọi người niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Ngài còn soạn *Ngũ hồi văn* tán dương pháp tu Tịnh độ. Người đời tôn xưng ngài là Hoá thân Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Đôn Hoàng. Ngài thị tịch tại chùa Nghĩa Thiện, Nam Giao. Ngài Trí Nghiễm là đệ tử nổi pháp.

hơn mọi người. Thế nên chú đệ tử dứt khoát thầy mình không phải là Phật hay là Bồ-tát hay là A-la-hán. Do vậy, nên chú đến bên thầy vái tạ, xin rời khỏi thầy.

Ý định của chú là gì?

Chú định lên núi Ngũ Đài Sơn để đánh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Chú có ý định tìm cầu trí huệ nơi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với hy vọng được giác ngộ. Chú thưa:

“Bạch thầy, con đã ở với thầy hơn 10 năm, và con chẳng thấy mình học được điều gì. Con không hiểu điều gì cả, con thật là ngu đần, và con quyết định đi lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với hy vọng rằng con sẽ có được trí huệ.”

“Được rồi!” Thầy nói, “Con muốn triều bái Ngũ Đài Sơn, thì hãy đi. Thầy có hai phong thư, trên đường đi nhờ con trao giúp. Một cái trao cho cô Thanh Lương và một trao cho Trư Lão Mẫu.”

Khi chú đệ tử đến nơi địa chỉ được ghi trên phong bì là Cô Thanh Lương, cô ta đã trở thành một cô gái điếm. Chú đệ tử quá đỗi ngạc nhiên, “Cớ gì mà thầy mình viết thư cho một cô gái điếm?” Chú tự hỏi, “Hay cô ta là người yêu của thầy, và thầy nhờ mình làm người môi giới?”

Nhưng chú trao thư, rồi nói, “Thầy tôi, Đỗ Thuận, có gửi thư cho cô.”

Cô Thanh Lương nhận thư đọc rồi ngồi xuống, nói, “Tốt! Ông ấy đi. Ta cũng sẽ đi.”

Rồi cô chết ngay trên chỗ ngồi. Cô ta đã nhập niết-bàn. Chú đệ tử thấy toàn bộ sự kiện quá lạ, và chú cầm bức thư lên đọc. Chú mới biết Cô Thanh Lương thực ra là Bồ-tát Quán Thế Âm, vì lá thư viết rằng, “Quán Thế Âm, tôi đã xong việc ở đây và sẽ ra đi. Ngài nên đi với tôi.”

Chú đệ tử thở dài tiếc nuối, “Nếu mình biết đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, mình sẽ quỳ xuống trước ngài, ta sẽ không đứng dậy cho đến khi ngài nhập niết-bàn, thế là ta có thể có được trí huệ giác ngộ. Sẽ hay biết bao. Nhưng nay ta đã bỏ mất cơ hội.”

Điều ấy thật đúng với ý nghĩa của câu:

*Trước mặt ngài*

*Vẫn không nhận ra ngài là Quán Thế Âm*

Chú ta cầm phong thư kia và nhắm hướng chỗ ở của Trư Lão Mẫu mà đến

Nhưng khi chú đến địa chỉ trong thư, không ai biết về người này. Nhưng khi chú đi ngang qua một chuồng heo, một con lợn nái già hỏi chú. “Chú tìm Trư Lão Mẫu có việc gì?”

Chú đệ tử ngạc nhiên và không biết mình đang gặp thứ quái vật nào. Chú vội vàng trả lời. “Thầy tôi bảo tôi trao một bức thư cho Trư Lão Mẫu.”

Con lợn nái già nói, “Ồ! Tốt. Ta là Trư Lão Mẫu đây. Chú có thể đưa thư cho ta.”

Con lợn nái già nhận thư và xem. Thật khó hiểu làm sao bà ta có thể biết được trong thư nói gì. Tuy nhiên, khi xem xong, bà ta ngồi xuống và nói, “Ồ!, Việc của ông ấy đã xong. Ta cũng sẽ đi.” Và bà ta chết.

Khi chú đệ tử xem thư, biết bà ta chính là hóa thân của Bồ-tát Phổ Hiền. “Có lẽ nào Bồ-tát Phổ Hiền đúng thực là con heo kia?” Chú vẫn còn vướng mắc những nỗi nghi ngờ. Chú chẳng quan tâm đến công việc gì mà thầy chú đã làm xong như lời trong thư.

Chú lên núi Ngũ Đài Sơn. Ở đó, chú gặp một lão tăng rất già, ông ta hỏi chú, “Chú đến đây làm gì?”

“Tôi đến để lễ bái Bồ-tát Đại trí Văn-thù-sư-lợi và mong được trí huệ giác ngộ.”

“Cái chú này!” Lão tăng nói, “Chú lên đây để lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nhưng lễ bái thầy chú còn tốt hơn gấp ngàn lần.”

Chú đệ tử hỏi, “Tại sao?”

“Thầy chú, Hoà thượng Đỗ Thuận, chính là Đức Phật A-di-đà tái thế. Ngài thị hiện ở cõi nhân gian để giáo hóa chúng sinh. Chú đã là đệ tử của ngài hơn 10 năm. Sao chú không nhận ra được điều đó?”

“Ồ! Thầy tôi là Đức Phật A-di-đà!” Chú đệ tử nói, “Trông thầy chẳng giống Đức Phật tí nào!”

Khi chú nhìn lại, lão tăng đã biến mất.

Rồi chú thấy một bức thư ngắn bảo rằng: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo chú hãy quay trở về tức khắc với

thầy mình là Hoà thượng Đỗ Thuận, ngài chính là Đức Phật A-di-đà.”

Sau cùng, chú đệ tử tin vào điều đó. Chú đã gặp được Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi bằng xương thịt, và ngài bảo chú hãy quay trở về với thầy mình.

Chú vội vã quay trở lại, Hoà thượng Đỗ Thuận đã viên tịch hôm qua. Một lần nữa, chú bỏ mất cơ hội. Chú đã là đệ tử của Đức Phật A-di-đà hằng 10 năm mà không nhận biết điều ấy.

Chú bỏ mất những điều trong tầm tay để tìm kiếm những gì quá xa xôi, chỉ tìm thấy được một điều là nên quay trở về với thầy mình. Bây giờ còn ai để gặp nữa?

### **Kinh văn:**

終不自言我真菩薩真阿羅漢。泄<sup>1</sup>佛密因輕言未學。

*Chung bất tự ngôn ngã chơn bồ-tát, chơn A-la-hán. Tiết Phật mật nhân khinh ngôn vị học.*

### **Việt dịch:**

**Rốt ráo không tự bảo mình thật là Bồ-tát, là A-la-hán. Khinh xuất nói với người chưa học, tiết lậu mật nhân của Phật.**

### **Giải thích:**

Họ có thể là Bồ-tát, là A-la-hán, là chư Phật đã thị hiện nơi thế gian này. Nhưng dù chính đó là Đức Phật

<sup>1</sup> Bản Taishō chép 泄 (tiết). Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 洩.

Thích-ca Mâu-ni hay Đức Phật A-di-đà, Đức Phật Dược sư Tiêu tai Diên thọ, hay Đức Phật Bảo Sanh, Đức Phật Thành Tựu, hoặc là các Đức Phật, Bồ-tát, A-la-hán nào khác, họ cũng không bao giờ nói “Ta thực sự là Bồ-tát. Đúng thực như vậy, các ông nên tin vào tôi. Tôi thực sự là một vị Bồ-tát.” Không thể nói như vậy. Nếu họ tự xưng **mình thật là Bồ-tát, là A-la-hán.** “Các ông có nhận ra tôi là ai không? Tôi là A-la-hán.” Thì quý vị sẽ biết ngay họ là thành viên quyến thuộc của ma vương. Nếu có người khen ngợi quý vị bằng cách nói rằng quý vị là Bồ-tát, là A-la-hán, thì quý vị đừng thừa nhận điều ấy cho dù quý vị đúng thực là như vậy. Quý vị đừng nên

**Khinh xuất nói với người chưa học, tiết lộ mật nhân của Phật.**

Quý vị không nên tiết lộ mật nhân của chư Phật. Quý vị không chỉ khinh suất tiết lộ gốc tích của mình. Thế khi nào là có thể thừa nhận được? Quý vị chỉ có thể tiết lộ khi mình sắp chết. Đừng tiết lộ trước khi mình ra đi.

*Khi tiết lộ, thì đừng nên lưu lại.*

*Khi còn ở lại, đừng nên tiết lộ.*

Ngay khi quý vị tiết lộ tông tích mình, chẳng hạn, mình là hóa thân của Bồ-tát đó, thì quý vị phải lìa bỏ sự hiện hữu đời này ngay tức thì. Miễn khi lời nói chưa phát ra, thì quý vị có thể lưu lại cõi đời, nhưng khi đã nói ra rồi, thì quý vị sẽ gặp rắc rối đầy mình nếu không chịu rời xa.

**Kinh văn:**

唯除命終，陰有遺付。云何是人惑亂  
眾生成大妄語。

*Duy trừ mạng chung, âm hữu di phó. Vân hà thị  
nhân hoặc loạn chúng sanh thành đại vọng ngữ?*

**Việt dịch:**

Chỉ trừ khi đến lúc lâm chung, âm thầm có lời  
di chúc. Tại sao những người ấy lừa gạt chúng sinh,  
thành tội đại vọng ngữ.

**Giải thích:**

Chỉ trừ khi đến lúc lâm chung, âm thầm có  
lời di chúc. Tại sao những người ấy lừa gạt chúng  
sinh, Nếu quý vị là một bậc thánh, thì lúc đến cuối  
đời, quý vị có thể nói với mọi người điều ấy. Nhưng  
từ đây đến lúc đó, quý vị không thể nói cho ai biết cả.  
Đến lúc đó, quý vị có thể tiết lộ cho những người gần  
gũi nhất của mình, có thể là một hai vị đệ tử nhập thất  
của mình.

Những người làm những việc ngược lại, chỉ dối  
gạt và làm mê mờ chúng sinh bằng cách tạo nên tội đại  
vọng ngữ.

Nếu quý vị chưa đắc đạo, mà nói rằng mình đã  
được, nếu quý vị chưa chứng quả, mà nói rằng mình đã  
chứng, đó là quý vị đã nói lời đại vọng ngữ.

Vào đời Thanh ở Trung Hoa, có vị cao tăng là Pháp



sư Ân Quang<sup>1</sup>. Ngài là người Giang Tây.

Sau khi xuất gia, ngài chiêm bái Phổ-đà Sơn, đạo tràng của Bồ-tát Quán Thế Âm. Ngài nhập thất ở núi đó. Ngài tự ẩn mình trong một căn phòng nhỏ và đọc Đại tạng kinh. Nếu ngày nào cũng đọc, phải cần đến ba năm mới đọc hết Tạng này. Ngài đã đọc đi đọc lại nhiều lần Tạng kinh này suốt 18 năm. Suốt những năm đó, ngài không xuống núi. Cuối cùng, một nhóm Phật tử ở Thượng Hải thỉnh ngài giảng kinh A-di-đà. Ngài đồng ý, nhưng chẳng có nhiều người đến nghe kinh, có lẽ do họ không hiểu được phương ngữ Thượng hải của ngài. Nhưng trong số đó có một cô học sinh trung học từ Thượng Hải có một giấc mơ bảo cô hãy đến nghe giảng kinh. Trong mộng báo rằng, “Cô nên đến đạo tràng cư sĩ đó..., để nghe kinh A-di-đà do Bồ-tát Đại Thế Chí giảng.”

Hôm sau, cô học sinh đọc báo thấy có đăng tin Pháp sư Ân Quang đang giảng Kinh A-di-đà tại đạo tràng đó. Cô tự hỏi:

---

<sup>1</sup> 印光 c: Yin Kuang (1861-1940): Tổ thứ 13 của Tịnh độ tông. Quê ở Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Họ Triệu, tên Thánh Lượng, biệt hiệu là Thường Tâm Quý tăng. Thuở nhỏ theo Nho học, từng bài bác Phật giáo, bị bệnh loà mắt. Nhân đó tỉnh ngộ, quy y Phật. Năm 21 tuổi, xuất gia với ngài Đạo Thuận ở Chung Nam Sơn. Suốt đời hoàng dương pháp môn Tịnh độ. Ngài luôn luôn giữ đúng 3 nguyên tắc: Không giữ chức trú trì, không thu nhận đồ cúng, không lên ngôi toà cao. Ngài thị tịch năm 1940 tại Linh Nham Sơn.

“Tại sao trong giấc mơ báo rằng Pháp sư Ấn Quang là Bồ-tát Đại Thế Chí?”

Đêm đó, cô tham dự pháp hội, sau khi mọi người ra về hết, cô kể lại giấc mơ của mình cho Pháp sư Ấn Quang nghe. Khi cô ta kết luận rằng ngài chính là Bồ-tát Đại Thế Chí, Pháp sư Ấn Quang không hài lòng, nhắc nhở cô, “Cô không được đem nói cho mọi người chuyện vô nghĩa này!” Thế nên cô không kể cho ai nghe chuyện giấc mơ. Nhưng cô xin quy y với Pháp sư Ấn Quang. Ba năm sau, Pháp sư Ấn Quang nhập diệt, chỉ đến lúc đó cô mới kể về giấc mơ của mình. Mọi người đều bực tức vì cô đã không nói chuyện này sớm hơn, để họ có thể thỉnh pháp được nhiều hơn ở Pháp sư. Nhưng cô cho họ biết rằng chính Pháp sư đã cấm không cho cô được tiết lộ. Từ sự kiện này, rõ ràng Pháp sư Ấn Quang là hóa thân của Bồ-tát Đại Thế Chí. Khi làm lễ trà tỳ, có rất nhiều xá-lợi (śarira)

Thế nên, khi sắp mạng chung, một số tung tích mới được tiết lộ. Tuy vậy, cũng không được nói một cách khoa trương về chuyện này. Như trong trường hợp trên, có thể là trong giấc mơ, có một ít chỉ dẫn được đưa ra. Nhưng quý vị không nên nói lộ liễu như, “Tôi là Bồ-tát Đại Thế Chí.” Đó là cách thức không nên làm.

Người thời nay thường đi quanh tự tuyên bố rằng mình là Phật. Điều này trái ngược hoàn toàn với giáo lý trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Tất nhiên mọi người đều là Phật, nhưng quý vị phải tu mới thành Phật. Nếu quý

vị không tu, quý vị chẳng khác gì hơn một con ngựa, con bò, con heo, con cừu, con gà. Quý vị hầu như sẽ trở thành quỷ đói, hay đọa trong địa ngục; chẳng có gì chắc chắn.

**Kinh văn:**

汝教世人修三摩地，後復斷除諸大妄語。是名如來先佛世尊。第四決定清淨明誨。

*Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, hậu phục đoạn trừ chư đại vọng ngữ. Thị danh Như Lai Tiên Phật Thế Tôn đệ tứ quyết định thanh tịnh minh hối.*

**Việt dịch:**

Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, sau rốt phải đoạn trừ nói lời đại vọng ngữ. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

**Giải thích:**

“A-nan, ông có nghe điều này không? Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, sau rốt phải đoạn trừ nói lời đại vọng ngữ.

“Đây có nghĩa là mọi lời nói phóng đại khoa trương. Dù vì thiện ý, cũng đừng nói, “Tôi đã giác ngộ.” Hoặc là “Tôi đã chứng quả,” hoặc là “Tôi là Bồ-tát.” Hoặc là “Tôi là A-la-hán.” Điều đó quá rẻ tiền.

Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Đừng dạy mọi người nói dối và tuyên bố khoa trương. Lời dạy này là của chư Phật trong hiện đời và chư Phật trong quá khứ.

**Kinh văn:**

是故阿難若不斷其大妄語者。如刻人糞為栴檀形，欲求香氣。無有是處。

*Thị cô A-nan, nhược bất đoạn kỳ đại vọng ngữ giả, như khắc nhơn phân vi chiên đàn hình, dục cầu hương khí, vô hữu thị xứ.*

**Việt dịch:**

Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ lời đại vọng ngữ, như khắc phân người làm hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm. Thật không có chuyện đó.

**Giải thích:**

Như Lai sẽ đưa ra ví dụ, Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ lời đại vọng ngữ, như khắc phân người làm hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm.

Những người muốn được trở nên thanh tịnh mà không dứt trừ lời đại vọng ngữ thì cũng giống như người cố gắng tìm cách khắc hình cây chiên đàn hương từ phân người. **Thật không có chuyện đó.**

Anh ta sẽ không bao giờ khiến cho phân người có được mùi hương thơm như cây chiên đàn. Điều này có nghĩa là nếu quý vị nói lời đại vọng ngữ, giống như là quý vị có mùi rất thối. Nếu quý vị tu tập thiền định, nỗ lực thành Phật, mà vẫn tiếp tục nói dối, thì quý vị

cũng giống như một cục phân. Vì người nói dối mà mong thành Phật thì cũng giống như cố gắng làm cho cục phân trở nên có mùi thơm của tượng Phật. Điều ấy không hợp lý.

**Kinh văn:**

我教比丘直心道場。於四威儀一切行中尚無虛假。云何自稱得上人法。

*Ngã giáo tỷ-khuru trực tâm đạo tràng. Ư tứ oai nghi nhất thiết hạnh trung, thượng vô hư giả. Vân hà tự xưng đắc thượng nhơn pháp?*

**Việt dịch:**

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru, lấy trực tâm làm đạo tràng. Trong các hành xử từ bốn uy nghi, còn không được hư dối. Làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân?

**Giải thích:**

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru, lấy trực tâm làm đạo tràng.

Tỷ-khuru đề cập ở đây gồm cả tứ chúng. Đến đây, quý vị không thể nói rằng, “Tôi là cư sĩ, thế nên Đức Phật không nói đến tôi.”

Quý vị phải ngay thẳng khi nói và nghĩ, Đừng có quanh co, đừng dối trá. Không có trực tâm cũng như cố gắng làm thành hương chiên đàn từ phân ối.

Như Lai dạy họ phải nên **Trong các hành xử từ bốn uy nghi, còn không được hư dối.**

Những oai nghi này đã được trình bày chi tiết từ trước. Mỗi tư thế đi đứng, nằm, ngồi đều có 250 oai nghi. Quý vị nên luôn luôn thực hành thật chân chính, thực sự tu tập trong đó.

### **Làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân?**

Tại sao mình lại tự tuyên bố đã chứng được quả vị Bồ-tát hay A-la-hán? Không nên nói như vậy. Trước quý vị nghe giảng kinh, quý vị có thể vô tình nói lên điều ấy. Nhưng nay đã nghe giảng kinh rồi, quý vị biết là mình không còn được nói rằng mình đã chứng được đến quả vị nào. Nói như vậy là nói lời đại vọng ngữ.

Quả báo của hành vi này là đọa vào địa ngục Bạt thiết. Trong đời sau, lưỡi quý vị sẽ bị móc bằng lưỡi câu sắt và kéo ra. Sau đó, quý vị sẽ không còn cơ hội để nói dối, vì trong tương lai, quý vị đã bị câm rồi.

#### **Kinh văn:**

譬如窮人妄號帝王自取誅滅。況復法王如何妄竊。因地不直<sup>1</sup>果招紆曲。求佛菩提如噬臍人，欲誰成就？

*Thí như cùng nhân vọng hiệu đế vương tự thủ tru diệt. Huống phục pháp vương, như hà vọng thiết. Nhân địa bất trực quả chiêu hu khúc. Cầu Phật bồ đề như phệ tễ nhân, dục thùy thành tựu?*

<sup>1</sup> Bản Taishō chép 直; Bản đời Tống, Minh chép 真.

**Việt dịch:**

Ví như người bần cùng, tự xưng là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt. Huống gì là ngôi vị pháp vương, sao dám xưng càn! Nhân đã không thật, quả ắt quanh co. Cầu đạo bồ-đề của Phật, như người muốn cấn rốn, làm sao thành tựu được?

**Giảng giải:**

‘Ông có biết không?’ Có người nói, ‘Tôi là vua của nước này?’

Nói như vậy, **Ví như người bần cùng, tự xưng là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt.**

Vua sẽ bắt nhốt người ấy liền, và toàn bộ gia đình của người ấy cũng bị tội chết luôn. Toàn thể bạn bè và họ hàng cũng sẽ bị khép vào tội chết. Thế thì ‘vua’ đi về đâu? Tuyên bố rằng mình đã chứng quả thánh khi mình chưa chứng cũng giống như người bần cùng kia tự nói rằng mình là vua. Anh ta sẽ bị tru diệt vì tội ấy.

Và nếu mình không thể nào tùy tiện tự nói mình là vua trong phương diện thế gian,

**Huống gì là ngôi vị pháp vương, sao dám xưng càn!**

Sao lại dám xưng càn Phật vị?

**Nhân đã không thật, quả ắt quanh co.**

Trong nhân địa, khi quý vị đang tu đạo, nếu không tu hành chân chính, thì kết quả quý vị hưởng được trong tương lai sẽ cong vạy. Sẽ có rất nhiều khúc mắc. Quý vị

sẽ không thể nào thành tựu quả vị một cách thẳng tắt. Nếu quý vị tu kiêu này, phía trái qua vô số đại kiếp, mà vẫn không thành tựu được.

**Câu đạo bồ-đề của Phật, như người muốn cắn rốn, làm sao thành tựu được?**

Nếu quý vị tự thực hành theo kiêu này—tiếp tục đắm mình trong nói dối và khoa trương mà tìm đạo bồ-đề của chư Phật, thì quý vị giống như người tìm cách cắn cái rốn của mình.

**Làm sao mà thành tựu được?**

Quý vị sẽ không bao giờ cắn cái rốn mình được, vì miệng mình không thể nào đến đó được.

**Kinh văn:**

若諸比丘心如直絃<sup>1</sup>, 一切真實入三摩提永無魔事。我印是人成就菩薩無上知覺。

*Nhược chư tỷ-khuru tâm như trực huyền, nhất thiết chơn thật, nhập tam-ma-đề, vĩnh vô ma sự. Ngã ấn thị nhân thành tựu Bồ-tát vô thượng trí giác.*

**Việt dịch:**

**Nếu hàng tỷ-khuru, tâm thẳng như dây đàn, hành xử mọi việc chân thật, nhập vào tam-ma-đề, ắt hẳn không có ma sự. Như Lai ấn chứng cho người này, thành tựu được vô thượng trí giác của hàng Bồ-tát.**

<sup>1</sup> Bản Taishō chép 絃; Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 弦.



**Giảng giải:**

**Nếu hàng tử-khuru, và giới cư sĩ, tâm thẳng như dây đàn, hành xử mọi việc chân thật, nhập vào tam-ma-đề, ắt hẳn không có ma sự.**

Tâm quý vị nên thẳng như dây đàn, đừng cong queo, như thân cây đàn. Quý vị nên chân thật trong mọi vấn đề và đừng bao giờ nói dối. Nói dối là trường hợp của:

Khởi đầu chỉ bằng một mảy lông

Sẽ kết thúc bằng ngàn dặm trong tương lai.

Nếu quý vị nói dối trong đời này, sẽ kéo sự thành tựu của quý vị lùi lại vài triệu đại kiếp trong đời sau. Hãy xem xét kỹ lưỡng và xem người nào đang bỏ mất điều đó. Nếu quý vị có thể trực tâm và chân thật, quý vị có thể nhập vào tam-ma-đề, và không có một ma sự chướng ngại nào sinh khởi.

**Như Lai ấn chứng cho người này, thành tựu được vô thượng trí giác của hàng Bồ-tát.**

Ai đã có tâm chân thật và ngay thẳng như dây đàn thì đều có thể trở thành Bồ-tát. Họ có thể thành tựu trí huệ vô thượng và tuệ giác của một vị Bồ-tát.

**Kinh văn:**

如我是<sup>1</sup>說名為佛說, 不如此說即波旬說

<sup>1</sup> Bản Taishō chép 是. Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 所.

*Như ngã thị thuyết danh vi Phật thuyết, bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.*

**Việt dịch:**

**Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.**

**Giảng giải:**

**Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói.**

Nếu quý vị giải thích giống như Như Lai đã giảng giải trong kinh này, đó chính là giáo pháp của chư Phật đã giảng nói. **Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.**

Người nào không diễn bày giáo pháp này, mà còn tuyên bố những giáo lý nghịch với giáo pháp này, đó chính là lời của ma vương nói.”

Ba-tuần là chỉ cho Ma vương.



*Hết quyển 6  
(Bản tiếng Hán)*

## THUẬT NGŨ ĐỐI CHIẾU

Kinh Thủ-lăng-nghiêm

Quyển 6



## A

ái sinh dục 愛生慾 e: Emotion flows into desire.

ái ma 愛魔 e: demons of love.

am-ma-la thức 庵磨羅識 e: amala consciousness

A-nhã Kiêu-trần-như 阿若憍陳如 s: Ājñāta-kaundinya

a-tăng-kỳ 阿僧祇 s: asaṃkhyā = 10<sup>47</sup>

át-bồ-đàm 遏菩曇 s: arbuda

a-tì 阿鼻 s: Avīci.

## B

Bảo Sanh Phật 寶生佛 e: Production of Jewels Buddha.

bạt thiết địa ngục 拔舌地獄 e: the hell of pulling out  
tongues

Bạch Dương Phật 白暘佛 e: White-Yang Buddha

bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di 白毫婉轉五須彌

e: white ray of light curls as high as five Mount

Sumerus.

bạch tịnh thức 白淨識 e: seed of purity

Bạch Phạn vương 白飯王 e: White Rice King

bán đầu thiên nhãn 半頭天眼 e: heavenly eye which

covered half my head

bản giác 本覺 e: fundamental enlightenment

bản lai diện mục 本來面目 e: original face

bảo giác chân tâm 寶覺真心 e: precious, enlightened  
mind

bảo giác 寶覺 e: gem of enlightenment

bảo minh không hải 如來寶明空海 e: Thus Come  
One's sea of magnificent, bright emptiness.

bảo vương sát 寶王刹 e: lands of the Jeweled Kings

Bất động Phật 不動佛 e: Buddha Unmoving

bất nhị 不二 e: non-dual

bất tịnh quán 不淨觀 e: contemplation of impurity

bát-la-tra-khur 鉢羅吒祛, thể-la-tra-khur 体羅吒祛  
s: praśakhi; e: rudimentary embryo

bệnh nhặm mắt: e: eye-ailment; s: kamala

bí mật diệu nghiêm 秘密妙嚴 e: wonderful secret  
teachings

biến nhất thiết tự tại 遍一切自在 e: pervading  
everywhere with ease

bội giác hiệp trần 背覺合塵 e: turn our backs on  
enlightenment and unite with the dust

bội trần hiệp giác 背塵合覺 e: turn their back on  
defilement and unite with the enlightenment

bổn diệu giác minh 本妙覺明 e: basic miraculous

bổn sự 本事 e: former events

bổn sinh 本生 e: present lives

## C

căn viên thông e: organ of entry

chứng đạo vị 證道位 e: position of having been  
certified to the Way

cám mục trùng thanh tứ đại hải 紺目澄清四大海 e:  
His violet eyes are as large as the four seas

cầm (đàn) 琴 e: lutes

căn bản vô minh 根本無明 e: fundamental ignorance

cần tức 勤息 e: diligent and putting to rest.

cát tường 吉祥 e: Lucky

cát tường ngoạ 吉祥臥 e: auspicious lying-down

câu sanh ngã chấp 俱生我執 e: inherent attachment to  
self, innate attachment to self

câu sanh pháp chấp 俱生法執 e: inherent attachment to  
phenomena, Innate attachment to phenomena

chân lý cứu cánh 真理究竟 e: ultimate dharmas

chân như pháp giới 真如法界 e: dharma realm of true  
suchness.

chân như e: 真如 true suchness

chân thật giác tánh 真寔覺性 e: genuine enlightenment

chánh biên tri 正遍知 e: proper and universal  
knowledge

chánh định 正定 e: proper concentration

chánh thọ 正受 e: proper reception



- skandhas of thought and feeling, samadhi  
of the extinction of feeling and thought
- Diệu cao sơn 妙高山 e: Magic Mountain
- diêu động 遙動 e: perpetual rotation
- diệu dụng 妙用 e: wonderful functioning
- diệu giác minh không 妙覺明空 e: wonderful  
enlightened bright emptiness
- diệu không minh giác 妙空明覺 e: wonderful empty  
bright enlightenment
- diệu liên hoa 妙蓮華 e: Wonderful Lotus Flower
- diệu lực viên minh 妙力圓明 e: wonderful power and  
perfect clarity
- diệu minh tâm nguyên 妙明心元 e: wonderful  
brightness of the origin heart.
- diệu minh 妙明 e: wonderful light
- du tập 餘習 e: left-over habits
- Dược thượng 藥上 e: Superior Physician
- Dược tính bộ 藥性部 c: Yao Xing Pu; e: Treatise on  
the Nature' of Medicines
- Dược vương 藥王 e: Physician King
- duy thức quán 唯識觀 e: consciousness-only  
concentration

## Đ

- Đại bi thần chú 大悲神咒 e: Great Compassion Mantra
- 42 Thủ nhãn ấn pháp 手眼印法 e: Forty-two Hands

## and Eyes

- đại lực quỷ 大力鬼 e: mighty ghosts  
 Đại Phạm thiên vương 大梵天王 e: Great Brahma  
 Heaven lord  
 đại tự tại 大自在 e: great ease  
 đao sơn địa ngục 刀山地獄 e: the hell of the sword  
 Đế-thích 帝釋 s: Śakradevānāmindra  
 địa hành dạ-xoa 地行夜叉 e: earth-traveling yakṣa  
 Đắc Đại Thế 得大勢 e: Attained Great Strength  
 Đại ẩm quang 大飲光 e: drinker of light  
 đại bi pháp 大悲法 e: dharmas of great compassion  
 đại do-tuần 大由巡 e: large yojana  
 đại nguyện vương 大願王 e: great, royal vows  
 Đại quy thị 大龜氏 e: great turtle clan  
 đại thiên thế giới 大千世界 e: a great thousands of  
 worlds/great world-system  
 đại viên cảnh trí 大圓境智 e: great, perfect mirror-  
 wisdom  
 đại y 大衣 e: great robe, perfect robe  
 đại bàng kim súy điều 大鵬金翅鳥 e: Garuḍa great  
 golden-winged Peng bird  
 đàn chỉ 彈指 e: finger-snap  
 đẳng giác 等覺 e: level of equal enlightenment  
 đẳng trì 等持 e: holding equally; s: samāpatti  
 đệ nhất nghĩa đế 第一義諦 e: primary truth



- đệ nhất nghĩa 第一義 e: primary meaning  
 điên đảo 顛倒 e: upside -down  
 Định Quang Phật 定光佛 e: Samadhi-Light Buddha  
 định tánh Thanh văn 定性聲聞 e: fixed-nature sound-hearer  
 đoan nghiêm 端嚴 e: decorous  
 độc đầu ý thức 獨頭意識 e: solitary consciousness  
 đời mạt pháp 末法世 e: dharma-ending age

## G

- già nghiệp 遮業 e: contributing karma  
 giác minh 覺明 e: light of enlightenment  
 giác tràm minh tánh 覺湛明性 e: still bright nature of enlightenment  
 giải bản tế 解本際 e: understanding the original limit

## H

- Hoả đầu Kim cang Ô-sô-sắc-ma 火頭 金剛 烏芻 瑟摩 e:  
 Fire-head Vajra Ucchushma  
 hoả quang tam-muội 火光三昧 e: fire-light  
 samadhi  
 hương âm 香陰 e: incense skandha; s: gandharva  
 huyết đồ địa ngục 血途地獄 e: the hell of bleeding  
 hải ấn phát quang 海印發光 e: ocean-impression emits  
 light  
 hải ấn 海印 e: ocean-impression

- hằng sa giới 恒沙界 e: dust motes in the Ganges
- hành khổ 行苦 e: suffering of process
- hí luận 戲論 e: idle theories
- hiền đức 賢德 e: worthy protector; c: xiun de
- hiền kiếp 賢劫 e: worthy kalpa
- Hiền thủ 賢守 e: worthy guard; c: xian shou
- hiện tướng 現相 e: appearance of manifestation
- hộ pháp thiện thần 護法善神 e: dharma-protecting  
good spirits
- hoà hiệp thô tướng 和合麤相 e: mixing and uniting of coarse  
appearances
- hóa sanh 化生 e: transformation-born
- hoại khổ 壞苦 e: suffering of decay
- hoàn diệt 還滅 e: returning to extinction
- hồi muội vi không 晦昧為空 e: delusion and obscurity  
make emptiness
- hồi quang phản chiếu 迴光返照 e: return their light  
and illumine within
- Hồng Dương Phật 紅陽佛 e: Red-Yang Buddha
- hư không định 虛空定 e: concentration-power of emptiness
- Hư Không Tạng Bồ-tát 虛空藏菩薩 e: Treasury of  
Emptiness Bodhisattva
- huệ nhãn 慧眼 e: wisdom eye
- Hương Nghiêm đồng tử 童子 e: Adorned with  
Fragrance pure youth
- Hương Nghiêm: 香嚴 e: Adorned with Fragrance

huong quang trang nghiêm 香光莊嚴 e: adornment of  
fragrant light

huong trần 香塵 e: sense-object of fragrance / defiling  
object of smells

hữu dư niết-bàn 有餘涅槃 e: nirvana with residue

hữu lậu tập khí 有漏集氣 e: remaining habits

hữu vi tướng 有為相 e: conditioned phenomena

hoả kiếp 劫火 e: fire of the kalpa

## K

kham nhẫn 堪忍 e: able to be endure; s: saha

không giác 空覺 e: emptiness of awareness

không hành dạ-xoa 空行夜叉 e: space-traveling yasha

kiến đại 見大 e: element of perception

kiến đạo vị 見道位 e: position of seeing the Way

kiến hoặc 見惑 e: eighty-eight kinds of delusion of  
views

Kê viên 雞園 e: Pheasant Garden

kê danh tự tướng 繼名字相 e: appearance of assigning  
names

khách trần phiền não 客塵煩惱 e: guest-dust affliction

khách trần 客塵 e: guest dust

khai sĩ 開士 e: awakened lords

khẩu đầu thiền 口頭禪 e: intellectual talk-Zen

khổ khổ 苦苦 e: suffering within suffering

khởi nghiệp tướng 起業相 e: appearance of the arisal

of karma; production of karma

không đại 空大 e: element emptiness

không Như Lai tạng 空如來藏 e: empty treasury of the

Thus Come One

Không sinh 空生 e: born into emptiness

không tịch 空寂 e: empty stillness

kiến đại 見大 e: element of perception

kiến phân 見分 e: aspect of seeing; division of seeing; seeing  
division

kiến tinh 見精 e: capacity to see

kiến trược 見濁 e: turbidity of views

Kiều-phạm-bát-đề 驕梵鉢提 s: Gavāṃpati

Kiều-trần-na 驕陳那 s: Kaṇḍinya

Kim cang Lực sĩ 金剛力士 e: vajra-powerful lord

Kim cang Mật tích 密迹金剛 e: Vajra Secret Traces

Kim cang Phật 金剛佛 e: Vajra Buddha

Kim cang vương bảo giác 金剛王寶覺 e: Regal Vajra

Gem of Enlightenment

kim luân 金輪 e: pervasiveness of metal

kinh Pháp Hoa 經法華 e: Dharma Flower Sutra

Kỳ viên 祇園 e: Jeta Grove Garden

## L

Lạc Dương, 洛陽 c: Loyang

lân hư trần 憐虛塵 e: mote of dust bordering on  
emptiness

Lão Hoà thượng 老和尚 e: Superior-seated One; superior seated Sanghan

li mị 魑魅 c: li mei

loạn 亂 e: rebellious

Lộc dã uyển 鹿野畹 e: deer wilds park

luận nghị 論議 e: discussions

luật sư 律師 e: vinaya masters

lục căn hỗ dụng 六根互用 e: mutual functioning of the  
six organs

lục thân 六親 e: six kinds of close kin

lục thô 六粗 e: six coarse appearances

lục thông 六通 e: six penetrations

Lương Vũ Đế 梁武帝 e: Emperor Wu of Liang

lưu chuyển 流轉 e: arising in succession

linh vật 靈物 e: spiritual creatures

lưu chuyển môn 流轉門 e: the door of mutual arising

lưu ly 琉璃 e: lapis lazuli; s: vaidūrya

Lưu ly quang: 琉璃光 s: Vaidūrya Light

lý sự viên dung vô ngại 理事圓融無礙 e:  
unobstructedness

## M

mạng căn 命根 e: life-force

mã não 瑪瑙 p: asama; s: aśmagarbha; e: cornelian.

Ma-kiệt-đà 磨竭陀 s: Magadha

Mãn Từ Tử 滿慈子 s: Pūrṇa-maitrāyaṇī-putra; p

## Punṇa-mantāni-putta

mạng trước 命濁 e: turbidity of a lifespan.

mật hạnh đệ nhất 密行第一 e: foremost in secret practices

minh diệu 明妙 e: bright wonder

minh giác 明覺 e: brightening of the enlightenment

minh sư 明師 e: bright-eyed teacher; bright advisor

Mục-kiền-liên 目乾蓮 s: Mahamaudgalyayana

## N

ngghi thần 疑神 e: questionable spirit; s: kimnara

Ngọc Hoàng 玉皇 e: Jade Emperor

Nguyệt Quang Nham 月光巖 e: Moonlight Cliff

nhập thất đệ tử 入室弟子 e: room-entering disciple

Như huyền văn huân văn tu kim cang tam-muội 如幻聞薰聞  
修金剛三昧 e: vajra samadhi of all being like an illusion, as  
one becomes permeated with hearing and cultivates hearing

ngũ suy tướng 五衰相 e: five signs of decay

năng minh 能明 e: faculty of understanding

ngã chấp phân biệt 分別我執 e: differentiated attachment to  
self.

ngạnh nhục 硬肉 s: ghana, e: solid flesh

ngĩa vô ngại biện 義無礙辯 e: Unobstructed

eloquence in expressing meanings

nghiệp hệ khổ tướng 業繫苦相 e: appearance of  
suffering, karmic-bound suffering

nghiệp tướng 業相 e: appearance of karma

- ngũ luân 五倫 e: five-fold method of kindness
- ngũ nhãn lục thông 五眼六通 e: five eyes and six spiritual
- ngũ trược 五濁 e: five turbidities
- ngưng hoạt 凝滑 e: slippery coagulation; s: kalala
- ngưu ti 牛司 e: cow-cud
- nguyên minh tâm diệu 元明心妙 e: fundamental brightness
- Nguyệt Quang đồng tử 月光童子 e: Pure youth  
Moonlight
- nhân địa 因地 e: cause-ground
- nhân không 因空法空 e: emptiness of people
- nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội 樂見照明金  
剛三昧 e: vajra samadhi of the delightful seeing, which  
illuminates and is bright/ vajra samadhi of delight in seeing  
the illuminating
- nhạo thuyết vô ngại biện 樂說無礙辯 e: unobstructed  
eloquence that delights in speaking
- nhập lưu 入流 e: entering the flow
- nhất chân 一真 e: one truth
- nhất chân nhất thiết chân 一真一切真 e: In one truth is  
all truth
- nhất chân pháp giới 一真法界 e: one true dharma  
realm
- Nhật Nguyệt Đăng 日月燈 e: Sun-Moon-Lamp
- Nhật Tạng 日藏 e: Sun Treasury
- nhất thừa 一乘 e: one vehicle
- nhất tinh minh 一精明 e: one pure brightness

nhất vị thanh tịnh tâm địa pháp môn 一味清淨心地法門 e:  
 mind-ground dharmaddoor of the purity of a single flavor  
 nhĩ căn viên thông 耳根圓通 e: perfect penetration of  
 the ear-organ

Nhiên Đăng Phật 燃燈佛 e: Burning Lamp Buddha

Như Lai 如來 e: Thus Come One

như ý châu thủ nhãn 如意珠手眼 e: hand and eye of the wish  
 fulfilling pearl

như ý châu 如意珠 e: wish fulfilling pearl

như ý 如意 e: according to your wish

niết-bàn tăng 涅槃僧 e: nirvana robes

niết-bàn tứ đức 涅槃四德 e: four wonderful virtues

noãn sanh 卵生 e: egg-born

Hùng Nhĩ sơn 雄耳山 e: Bear's Ear mountain

### O

Oai âm vương Phật 威音王佛 e: King of Awesome  
 Sound Buddha

### P

phan duyên 攀緣 e: climbing on conditions; s:  
 ālambana

pháp không 法空 e: emptiness of phenomena

Pháp Tạng tỷ-khuu 法藏比丘 e: Bhikshu Dharma Treasury

pháp thuật 法術 e: dharmic devices

pháp trần 法塵 e: mental constructs—defiling objects of



- mind / defiling objects of dharmas
- phi hành dạ-xoa 飛行夜叉 e: flying-traveling yaksha
- phù thủy e: sorcerers / exorcists
- pha lê 頗黎 e: crystal; s: sphaṭika; p: phalika
- Phạm thiên 梵天 e: Brahma gods
- phân biệt pháp chấp 分別法執 e: discriminating attachment to phenomena
- pháp chấp 法執 e: attachments to phenomena
- pháp giới 法界 e: dharma realm
- pháp hữu vi 法有為 e: conditioned dharma/ conditioned phenomena
- pháp sư 法師 e: Dharma master
- pháp vô ngại biện 法無礙辯 e: Unobstructed eloquence in speaking dharma
- pháp vương tử 法王子 e: dharma princes/disciple of the Dharma King
- phát bồ-đề tâm 發菩提心 e: brought forth the resolve for bodhi
- Phật danh thần chú 佛頂神咒 e: spiritual mantra of the Buddha
- Phật hoan hỷ nhật 佛歡喜日 e: buddha's happy day
- Phật lập tam-muội 佛立三昧 e: Standing Buddha session
- Phật nhãn 佛眼 e: buddha eye
- Phổ Quang Như Lai 普光如來 e: Universal Light Thus Come One

Phật tính 佛性 e: buddha-nature

Phật tử trụ: 佛子住 e: position of the Buddha's  
disciple

phi huyễn 非幻 e: non-illusion

phi sở phi tận 非所非盡 e: Nothingness and what  
becomes nothingness both disappear

phi thời thực 非時食 e: eat at improper times

phiền não trước 煩惱濁 e: turbidity of afflictions

phong luân 風輪 e: pervasiveness of wind

phòng phi chỉ ác 非防止惡 e: stop evil and guard against  
transgressions

phù căn 浮根 e: superficial sense-organs

Phù Tràng Vương 浮幢王刹 e: royal lands of floating  
banners

Phục Hại quỷ 復害鬼 e: Repeatedly Cruel ghost

phương quảng 方廣 e: universalities

phương tiện thiện xảo 方便善巧 e: clever skill-in-  
means/ wholesome clever

## Q

quả địa 果地 e: ground of fruition

Quán thế âm 觀世音 e: Contemplator of the Worlds' Sounds;  
s: Avalokiteśvara

quán chiếu Bát-nhã 觀照般若 e: contemplative prajñā

quán tượng niệm Phật 觀像念佛 e: Mindfulness of the  
Buddha by contemplating an image

## S

sắc 色 e: forms.

sắc tánh không 色性空 e: emptiness of the nature of  
form

sắc trần 色塵 e: defiling objects of form/ sense-object  
of form

sắc 瑟 e: flutes

sáu trần 六塵 e: six sense-objects

Siêu Nhật Nguyệt Quang 超日月光 e: Light

Surpassing the Sun and Moon

sinh tướng vô minh 生相無明 e: appearance-of-  
production ignorance

sơ phát tâm 初發心 e: initial resolve

sở không cập vô 所空及無 e: that which is empty also  
disappears

sở minh 所明 e: bright enlightenment/ falseness of an  
object

Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai 山海自在通王  
如來 e: King of Masterful

Penetrations of Mountains and Seas

sự sự viên dung vô ngại 事事圓融無礙

e: unobstructedness and perfect fusion of phenomena and  
phenomena

sư tử toà 師子座 e: lion's throne

## T

tam giới duy tâm 三界惟心 e: the three realms come  
only from the mind

tam tế 三細 e: three subtle appearances of delusion/ three  
subtle appearances

tam thiên đại thiên thế giới 三千大千世界 e: three-thousand-  
great-thousand world-system

Tân Phật giáo 新佛教 e: Neo-Buddhists

giác tánh 覺性 e: enlightened nature

tập khí 集氣 e: patterns of habit

tha tâm thông 他心通 e: ability to know others'  
thoughts

thai sanh 胎生 e: womb-born

tham thiền 參禪 e: investigating dhyāna

thần long 神龍 e: dragon-spirit

Thân Mục 申目 c: Shen Jih

Thần Nông 神農 Emperor Shen Neng

thần thông lực 神通力 e: spiritual penetrations

thân trung âm. 中陰身 e: intermediate *yin*-body,  
intermediate existence body, intermediate-  
kandha body

Thần Tú 大師神秀 e: Master Shen Xiu

thanh 聲 e: sound

thánh thừa 聖乘 e: sagely vehicle

thanh tịnh bảo vương 清淨寶王 e: Pure and precious  
king

- thanh tịnh chủng tử 清淨種子 e: seed of purity  
 thanh trần 聲塵 e: object of sound  
 thập địa 十地 e: ten grounds  
 thập hạnh 十行 e: ten practices  
 thập hồi hướng 十回向 e: ten transferences  
 thập nhị nhân duyên 十二因緣 e: twelve links of  
     conditioned  
 thập sanh 濕生 e: moisture-born  
 thập tín 十信 e: ten faiths  
 thập trụ 十住 e: ten dwellings  
 thật tướng 寔相 e: actual appearance  
 Thất-la-phiệt 室羅筏 e: City of Flourishing Virtue; s:  
     Śrāvastī  
 y báo thế giới 依報世界 e: world of dependent  
     retribution  
 Thế tôn 世尊 e: World Honored One  
 thí dụ 譬諭 e: analogies  
 Thiện Cát 善吉 e: good luck  
 Thiện Hiện 善現 e: good appearance  
 thiên nhãn thông 天眼通 e: spiritual penetration of the  
     eye  
 thiện phân 善分 e: well-divided time  
 thiện tri thức 善知識 e: good knowing advisor/ good  
     knowing one  
 thiệt thức 舌識 e: tongue-consciousness  
 thọ giả tướng 壽者相 e: characteristic of a lifespan

- thọ ký 受記 e: bestowal of predictions/ bestow  
 thức tình 識情 e: defilement of emotion  
 thực tướng Bát-nhã. 寔相般若 e: actual-appearance  
 prajñā  
 thực tướng niệm Phật 寔相念佛 e: Mindfulness of the  
 Buddha in his actual appearance  
 Thường Bất Khinh 常不輕 e: Never Slighting  
 thường hành tam-muội 常行三昧 e: Continuous  
 Walking Samādhi  
 thượng thủ 上首 e: superior leader  
 thường trú chân tâm tánh tịnh minh thể 常住真心性淨  
 明體 e: pure nature and bright substance of the everlasting  
 true mind  
 thủy giác 始覺 e: initial enlightenment  
 Tiên Phạm thiên' 仙梵天 e: former Brahma Heaven  
 mantra  
 tiểu do-tuần 小由巡 e: small yojana  
 tiêu nha bại chủng 焦芽敗種 e: sterile seeds and  
 withered  
 Tiêu tai Diên thọ Dược sư Lưu ly Quang Vương Phật 消災延  
 壽藥師琉璃光王佛  
 e: Medicine Master Buddha Who Dispels Calamities and  
 Lengthens Life  
 tiểu thiên thế giới 小千世界 e: small-thousands of  
 worlds  
 Tịnh cư thiên 淨居天 e: Heaven of Pure Dwelling

tĩnh lự 靜慮 e: quiet consideration

tình sinh ái 情生愛 e: people's nature flows into  
emotion;

tinh tú kiếp 星宿劫 s: Auspicious kalpa

Tinh tú quang 星宿光 e: Constellation Light

trần lao 塵勞 e: wearisome defilements, tiresome dust

tối hậu khai thị 最後開示 e: final instruction

tối sơ giải: 最初解 e: the very first to understand

tôn quý 尊貴 e: honored and noble

trầm thủy hương 沈水香 e: inking-in-the-water  
incense; s: Agar

Tri Địa Bồ-tát 持地菩薩 e: Maintaining the Ground

trí tướng 智相 e: appearance of knowledge.

trung đạo 中道 e: middle way

trung do-tuần 中由巡 e: middle-sized yojana

trung thần 中臣 e: loyal ministers

trung thiên thế giới 中千世界 e: a middle-thousands of  
world-systems

trùng tụng. 重誦 e: repetitive verses

trường hàng. 長行 e: prose

truyền tông thức 傳送識 e: transmitting consciousness

Tử Kim Quang tỷ-khuru ni 紫金光比丘尼 e: Purple-golden  
Light Bhikshuni

tự nhiên 本然自然 e: spontaneity

tứ sanh 四生 e: four kinds of birth

tự tại 自在 e: comfortable

- Từ thị 慈氏 e: compassionate clan; s: Maitreya  
 tự thuyết 自說 e: unrequested dharma;  
 tứ trần 四塵 e: four defiling objects  
 từ vô ngại biện 辭無礙辯 e: unobstructed eloquence in  
     using phrasing  
 túc mạng thông 足命通 e: ability to perceive past lives  
 tức thiện thả cát 即善且吉 e: both good and lucky  
 Tu-đà-hoàn 修陀桓 s: śrotāpaṇa  
 Tu-di sơn 須彌山 e: Mount Sumeru  
 tương hợp 相合 e: compatible  
 tướng phần 相分 e: aspect of appearance/ division of  
     appearances/appearance division  
 tướng sư 相師 e: prognosticator  
 tương tức tương nhập 相即相入 e: interpenetrating  
 tương tục tướng 相俗相 e: appearance of continuation,  
     mark  
 tùy duyên 隨緣 e: according with conditions  
 tỳ bà 琵琶 e: ballon guitars  
 tà thuật 邪術 e: deviant device  
 tam luân thể không 三輪體空 e: the substance of the three  
 aspects is empty  
 tầm tư 尋思 e: discursive thought/contemplative  
     consideration  
 tham thiên 參禪 e: investigating a Chan topic  
 thanh trần 聲塵 e: defiling object of sounds  
 Thành Tựu Phật 成就佛 e: Accomplishment Buddha



Thiên chủ 天主 e: Heavenly Lord

thiện tri thức 善知識 s: kalyāṇa-mitra; e: good

knowing advisors

thủ ấn 手印 e: seal-hand; s: mudrā

thừa cấp, giới hoãn 乘急戒緩 e: quick with the vehicle

but slow about the precepts

thủy quán tam-muội 水觀三昧 e: water-contemplation samādhi

Tôn-đà-la Nan-đà 孫陀羅難陀 s: Sundarananda

trần cảnh 塵境 e: defiling appearances

trí huệ siêu việt 智慧超越 e: transcendental wisdom

trung âm thân 中陰身 e: temporary state

Tu đạo vị 修道位 e: stage of the path of cultivation/ position  
of cultivating the Way

tư huệ 思慧 e: wisdom attained through contemplation/  
wisdom of consideration

Tứ nhiếp pháp 四攝法 e: four methods of winning people  
over/ four dharmas of attraction

tự tại thân 自在身 e: physical self-mastery

## U

Ưu-ba-ni-sa-đà 優波尼沙陀 s: Upaniṣad

## V

vạn pháp duy thức 萬法惟識 e: myriad phenomena  
arise only from consciousness

văn tự Bát-nhã 般若聞字 e: literary prajñā

- vị trần 味塵 e: sense-object of flavor
- Vi Hại quỷ 違害鬼 e: Unreasonably Cruel
- Vị tăng hữu 未曾有 e: Previously non-existent dharma;
- vị 味 e: tastes
- vi trần 微塵 e: mote of dust
- viên minh 圓明 e: perfect and bright
- viên thông 圓通 e: fused perfectly/ perfect penetration
- vô bản 無貪 e: never poor
- vô cấu thức 無垢識 e: consciousness devoid of filth
- vô công dụng đạo 無功用道 e: effortless way
- vô dư niết-bàn 無餘依涅槃 e: nirvana without residue
- vô gián địa ngục 無間地獄 e: Relentless Hells
- vô học 無學 e: no study, having nothing left to study
- vô lậu 無漏 e: no outflows
- Vô Lượng Thanh 無量聲 e: Limitless Sound
- Vô năng thắng 無能勝 e: invincible
- vô ngại 無礙 e: unobstructed
- vô sanh nhẫn 無生忍 e: patience with the non-existence of beings and phenomena/ patience with non-production
- vô sinh pháp nhẫn: 無生法忍 e: patience with the non-production of phenomena
- vô thượng giác đạo 無上覺道 e: unsurpassed enlightened
- vô tranh tam-muội 無爭三昧 e: non-contention samādhi
- võng lượng 魍魎 c: wang liang

vọng năng 妄能 e: false ability  
 vọng trần 妄塵 e: dust of false thought  
 văn huân 聞薰 e: permeated with hearing  
 văn huệ 聞慧 e: Wisdom [attained by] hearing/ wisdom of hearing  
 vô gián địa ngục 無間地獄 e: Unintermittent Hell  
 vi tế vô minh 微細無明 e: subtle ignorance  
 vô tác diệu lực 無作妙力 e: miraculous strength of effortlessness  
 Vô thượng chánh đẳng chánh giác 無上正等正覺 e: unsurpassed proper and equal right enlightenment  
 vô trụ xứ niết-bàn 無住處涅槃 e: no outflows nirvana without residue; s: apratiṣṭhita-nirvāṇa  
 vô vi 無為 s: asaṃskṛta; e: unconditioned  
 vô úy công đức 無畏功德 e: virtue in bestowing fearlessness  
 vô tác diệu đức 無作妙德 e: effortless, wonderfttl virtue

## X

xa cừ 磳磳 e: mother-of-pearl  
 xí thịnh 熾盛 e: dazzling  
 xích châu 赤珠 e: red pearls/ ruby  
 xuất huyền nhập tẫn 出玄入牝 e: go out esoterically  
 xúc 觸 e: objects of touch.  
 xúc trần 觸塵 e: defiling object of touch

## Y

y báo 依報 e: dependent retribution

ý thức 意識 e: mind-consciousness

yết-la-lam 羯羅藍 s: kalala

*Dịch Việt:*

***Thích Nhuận Châu***



Tịnh thất TỪ NGHIÊM

Pl. 2551

Đình Hợi-2007.

# MỤC LỤC

KHAI KINH KỆ .....	5
TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN.....	7
NHĨ CĂN - <i>Quán Thế Âm Bồ-tát</i> .....	11
<i>Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi</i>	
TUYỂN CHỌN CĂN VIÊN THÔNG.....	105
TỨ CHŨNG THANH TỊNH MINH HỒI.....	199
1. <i>Phải Đoạn Trì Tâm Dâm</i> .....	199
2. <i>Phải Đoạn Trì Tâm Sát Hại</i> .....	213
3. <i>Dứt Trì Tâm Trộm Cấp</i> .....	232
4. <i>Dứt Trì Vọng Ngữ</i> .....	260
THUẬT NGŨ ĐỐI CHIẾU .....	289